Bản tin

Khuyến nông Việt Nam

TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG QUỐC GIA
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Số 03| 2026

Khuyến nông Việt Nam 1993

BẢN TIN KHUYẾN NÔNG VIỆT NAM

Ở đâu có nông dân, ở đó có khuyến nông

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN
PGS.TS. Lê Quốc Thanh

BAN BIÊN TẬP
ThS. Hoàng Văn Hồng
TS. Lê Minh Lịnh
TS. Huỳnh Kim Định
ThS. Đỗ Phan Tuấn
ThS. Nguyễn Bá Tiến
TS. Nguyễn Thị Hải
TS. Hoàng Tuyển Phương
ThS. Đặng Xuân Trường
TS. Nguyễn Đức Hải
ThS. Doãn Văn Chiến

THƯ KÍ BIÊN TẬP
ThS. Đỗ Thị Việt Oanh

TRỤ SỞ TÒA SOẠN
16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội
ĐT: 024. 3728 2485
Email: tthlknqg@gmail.com
Website: khuyennongvn.gov.vn

Giấy phép xuất bản
số 26/GP-XBBT
ngày 22 tháng 6 năm 2026
Số lượng: 3.000 bản/số
Nơi in: Công ty Cổ phần In Hà Nội

Bìa 1: Mùa thu hoạch cà phê.
Ảnh: CTV

TRONG SỐ NÀY

Thông tin chủ trương, chính sách nông nghiệp và môi trường

1. Chủ động sản xuất trồng trọt trước nguy cơ hạn, mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long
4. Từ giảm lãng phí thực phẩm đến thành phố sạch

Hoạt động khuyến nông

6. Chuyển đổi xanh, chuyển đổi số thúc đẩy sản xuất lúa chất lượng cao, phát thải thấp
8. Nâng cao năng lực khuyến nông trong tổ chức sản xuất gắn với thị trường
10. Khuyến nông đồng hành để mã số vùng trồng đi vào thực chất
12. Từ mô hình nuôi ngao hai cùi đến sức lan tỏa của mô hình khuyến nông
14. Khuyến nông đồng hành nâng cao hiệu quả nghề trồng dâu nuôi tằm tại Lào Cai
16. Hướng đi mới cho nghề nuôi tôm sú tại tỉnh Quảng Trị
18. Khánh Hòa: Đưa kỹ thuật chăn nuôi cừu sinh sản từ mô hình ra sản xuất

Sự kiện khuyến nông

20. Từ mô hình giảm phát thải đến vùng lúa xanh hiệu quả, bền vững
22. "Tấm vé thông hành" và cam kết chất lượng nông sản bền vững

Xây dựng nông thôn mới

24. Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2026 - 2030

Mô hình, điển hình tiên tiến

25. Trồng lúa hữu cơ liên kết tiêu thụ: Lợi ích kép cho nhà nông Gia Lai
26. Chàng trai dân tộc Dao làm giàu từ vườn nho sữa xứ Mường
28. Nuôi gà ri lai VietGAHP tăng hiệu quả, ổn định đầu ra
30. Làm chủ kỹ thuật nuôi cá nước lạnh VietGAP: kinh nghiệm từ Lào Cai

Khoa học kỹ thuật và công nghệ

32. Giải pháp phòng, chống hạn mặn cho cây ăn quả vùng Đồng bằng sông Cửu Long
35. Biện pháp phòng, trị bệnh tụ huyết trùng ở gia súc, gia cầm
36. Phòng ngừa hội chứng giảm đẻ trên gà
38. Sử dụng thuốc thú y thủy sản đúng quy định và tránh tồn dư kháng sinh
42. Kỹ thuật nuôi cá bớp trong lồng HDPE

44. **Tin thị trường**

CHỦ ĐỘNG SẢN XUẤT TRỒNG TRỌT TRƯỚC NGUY CƠ HẠN, MẶN Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Ngày 9/10/2026, tại tỉnh Đồng Tháp; Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật phối hợp với Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Tháp tổ chức Hội nghị "Sơ kết công tác sản xuất trồng trọt và phòng, chống hạn mặn năm 2026, triển khai kế hoạch năm 2027 vùng Đông Nam bộ và ĐBSCL".

Theo nhận định của ngành khí tượng thủy văn, EL - Nino có xu hướng duy trì từ cuối năm 2026 sang đầu năm 2027, khiến nhiệt độ phổ biến cao hơn trung bình nhiều năm. Mùa khô 2026 - 2027 được dự báo thuộc nhóm năm ít nước; triều cao có thể xuất hiện vào nửa cuối tháng 12/2026 và các tháng 1- 3/2027. Xâm nhập mặn có khả năng xuất hiện sớm từ cuối tháng 12/2026 và ảnh hưởng mạnh trong giai đoạn tháng 1- 4/2027. Diễn biến này đòi hỏi các địa phương bố trí thời vụ, tổ chức sản xuất bám sát dự báo nguồn nước, tình hình xâm nhập mặn, khả năng vận hành công trình thủy lợi và tiến độ thu hoạch các vụ trước, nhằm chủ động né hạn, mặn và hạn chế thiệt hại.

Dự báo ranh mặn 4 g/l tại các cửa sông Cửu Long có thể lấn sâu 50 - 70 km, xa hơn 15-25 km so với trung bình nhiều năm. Tại các cửa sông Vàm Cỏ, ranh mặn có thể vào sâu 110 - 130 km, cao hơn trung bình nhiều năm 30 - 42 km; trên sông Cái Lớn, ranh mặn 4 g/l dự báo ở mức 55 - 57 km, cao hơn 2 - 3 km.

Với sản xuất lúa, diện tích lúa - tôm có nguy cơ chịu rủi ro khoảng 120.000 ha; diện tích lúa Đông Xuân 2026 - 2027 có nguy cơ rủi ro khoảng 85.800 ha.

Đối với cây ăn quả, khoảng 45.000 ha tại các vùng ven biển có nguy cơ thiếu nước tưới trong mùa khô khi xâm nhập mặn lấn sâu. Diện tích có nguy cơ gồm Tây Ninh 3.000 ha, Đồng Tháp 14.000 ha, Vĩnh Long 25.000 ha và thành phố Cần Thơ 3.000 ha. Trong đó, sầu riêng là cây trồng mẫn cảm với mặn, cần đặc biệt lưu ý tại một số vùng hạ nguồn của Cần Thơ, Vĩnh Long và Đồng Tháp.

☞ Trước nguy cơ hạn, mặn ảnh hưởng đến sản xuất, các địa phương vùng Đồng bằng sông Cửu Long cần chủ động triển khai đồng bộ các giải pháp, từ bố trí thời vụ, lựa chọn giống đến quản lý nguồn nước và phòng trừ sinh vật gây hại, nhằm giảm thiểu thiệt hại và bảo đảm hiệu quả sản xuất.

1. Đối với sản xuất lúa

a. Thời vụ xuống giống:

Trước mắt, các địa phương cần tập trung thu hoạch nhanh, gọn diện tích lúa Thu Đông và Mùa 2026 còn lại, sớm giải phóng đất, vệ sinh đồng ruộng và bảo đảm thời gian cách ly để xuống giống Đông Xuân 2026 - 2027 đúng khung thời vụ.

Tuân thủ 3 trà xuống giống vùng ven biển, cửa sông, cuối nguồn có nguy cơ xâm nhập mặn sớm phải ưu tiên trà sớm, giống ngắn ngày; trà muộn chỉ bố trí tại vùng chủ động hoàn toàn nguồn nước. Đối với các vụ sản xuất tiếp theo trong năm 2027, không bố trí lịch cứng khi chưa cân đối được nguồn nước; thường xuyên cập nhật dự báo khí tượng thủy văn, xâm nhập mặn và điều chỉnh lịch xuống giống phù hợp từng tiểu vùng.

Trà sớm từ ngày 10 - 30/10/2026: tại vùng ven biển, cửa sông, cuối nguồn có nguy cơ xâm nhập mặn sớm, ưu tiên giống ngắn ngày;

Trà chính vụ từ ngày 01 - 30/11/2026: tại các vùng có điều kiện nguồn nước phù hợp, tổ chức xuống giống tập trung theo từng tiểu vùng, ô bao để thuận lợi quản lý nước và gieo sạ né rầy;

Trà muộn từ ngày 01 - 31/12/2026: chỉ bố trí ở vùng Thượng và vùng Giữa, nơi chủ động hoàn toàn nguồn nước; kết thúc xuống giống toàn bộ vụ Đông Xuân trước ngày 10/01/2027.

b. Cơ cấu giống và lượng giống gieo sạ:

Ưu tiên giống được công nhận lưu hành, có thời gian sinh trưởng phù hợp, ưu tiên những giống ngắn ngày, có khả năng thích ứng với điều kiện bất lợi tại vùng có nguy cơ hạn mặn. Cơ cấu giống gắn với yêu cầu chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu. Đối với khu vực bảo đảm nguồn nước, cần phát triển các giống lúa chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu thị trường và định hướng nâng cao giá trị hạt gạo. Cơ cấu dự kiến gồm nhóm thơm, đặc sản 34,03%; chất lượng cao 46,89%; chất lượng trung bình 3,52%; nếp 13,4% và nhóm khác 2,16%. Giảm lượng giống gieo sạ, nhất là diện tích trên 150 kg/ha, tăng diện tích gieo sạ 100 kg/ha.

c. Kỹ thuật canh tác và quản lý nước:

Trong điều kiện El- Nino, ưu tiên quản lý và sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; phối hợp vận hành các công trình thủy lợi để kiểm soát mặn và linh hoạt lấy nước ngọt khi độ mặn cho phép; chủ động nạo vét kênh mương, chuẩn bị vị trí và vật liệu làm đập tạm, tăng khả năng tích trữ nước. Thường xuyên cập nhật kịch bản nguồn nước, hạn hán và xâm nhập mặn, tăng kết nối và liên kết vận hành giữa các hệ thống thủy lợi. Trên đồng ruộng, tiếp tục áp dụng "1 phải - 5 giảm", IPM/IPHM, tưới ngập khô xen kẽ ở nơi đủ điều kiện, bón phân cân đối, quản lý rơm rạ và cơ giới hóa để giảm chi phí, sử dụng nước hợp lý và nâng cao khả năng chống chịu của cây lúa.

Đối với vùng lúa - tôm và vùng có nguy cơ hạn, mặn cao, cần rửa mặn trước khi xuống giống, ưu tiên giống chịu mặn; nơi không có nguồn nước ngọt bổ sung phải chủ động tích nước, giữ nước ngọt và bố trí xuống giống sớm phù hợp địa hình. Tăng cường đo, theo dõi độ mặn và thông tin cảnh báo kịp thời đến chính quyền cơ sở, hợp tác xã và nông dân để chủ động lấy nước, trữ nước hoặc dừng lấy nước khi không bảo đảm an toàn.

d. Chuyển đổi trên đất lúa:

Rà soát diện tích lúa kém hiệu quả hoặc khó bảo đảm nguồn nước để chuyển đổi sang cây trồng

Công trình thủy lợi Cái Lớn giúp các tỉnh vùng ĐBSCL ứng phó với biến đổi khí hậu.

phù hợp; chuyển đổi phải theo kế hoạch, gắn với thị trường, vùng nguyên liệu, hạ tầng và bảo đảm khả năng chuyển trở lại trồng lúa khi cần thiết.

2. Đối với cây hằng năm khác

Chủ động tích trữ nước ngọt trong mùa mưa

Bố trí cơ cấu cây trồng theo lợi thế sinh thái, nguồn nước và nhu cầu thị trường; ưu tiên giống ngắn ngày, chống chịu tốt, tăng tưới tiết kiệm, cơ giới hóa và liên kết tiêu thụ. Theo dõi sát sản lượng rau, sắn, mía, ngô và cây trồng có sản lượng tập trung để chủ động thu hoạch, bảo quản, chế biến.

Chỉ xuống giống khi cân đối được nguồn nước; ưu tiên giống ngắn ngày, có khả năng chịu hạn và phù hợp điều kiện đất đai.

3. Đối với cây ăn quả và cây công nghiệp lâu năm

Theo dõi chặt thời tiết, nguồn nước, sinh vật gây hại; tăng đầu tư chăm sóc, tưới tiết kiệm, rải vụ đối với cây ăn quả và điều tiết thu hoạch theo thị trường. Đẩy mạnh liên kết sản xuất - tiêu thụ, kiểm soát chất lượng, an toàn thực phẩm, mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc; chuẩn hóa dữ liệu vùng nguyên liệu cà phê, cao su để đáp ứng EUDR.

Đối với vùng nguy cơ hạn hán, xâm nhập mặn cần chủ động củng cố hệ thống đê bao, cống ngăn mặn; nạo vét kênh mương, ao, hồ và các công trình trữ nước; tăng cường tích trữ nước ngọt trong mùa mưa. Kiểm tra độ mặn trước khi tưới; áp dụng tưới tiết kiệm, tủ gốc và các biện pháp giữ ẩm. Không trồng mới hoặc xử lý ra hoa nghịch vụ tại các vùng có nguy cơ hạn, mặn cao khi chưa bảo đảm nguồn nước ngọt.

4. Liên kết sản xuất, tiêu thụ và an toàn thực phẩm

Phát huy vai trò hợp tác xã, tổ hợp tác trong liên kết nông dân với doanh nghiệp; tăng hợp đồng tiêu thụ ổn định, sơ chế, bảo quản, chế biến và logistics. Mở rộng sản xuất theo VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ và tăng giám sát sau chứng nhận.

5. Công tác bảo vệ thực vật

Tổ chức gieo sạ đồng loạt, né rầy; vệ sinh đồng ruộng và bảo đảm thời gian cách ly giữa các vụ. Tăng cường giám sát rầy nâu, ốc bươu vàng, chuột, bệnh đạo ôn, bạc lá trên lúa; sâu keo mùa thu trên ngô; bệnh vi- rút khảm lá sắn; bệnh xì mủ, cháy lá trên sầu riêng; bệnh hại trên thanh long, cây có múi, cà phê, hồ tiêu, điều và cao su. Đẩy mạnh dự tính, dự báo, bẫy đèn và thông tin cảnh báo sớm.

6. Quản lý vật tư, mã số vùng trồng và dữ liệu

Tăng cường kiểm tra chất lượng giống, phân bón, thuốc BVTV; xử lý vật tư giả, kém chất lượng. Hoàn thiện quy trình, hệ thống dữ liệu và hướng dẫn phân cấp về mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói; củng cố dữ liệu sản xuất, sinh vật gây hại và cơ chế phối hợp chuyên ngành sau sắp xếp tổ chức.

CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BVTV

TỪ GIẢM LÃNG PHÍ THỰC PHẨM ĐẾN THÀNH PHỐ SẠCH

Thứ trưởng Bộ NNMT Lê Trọng Yên phát biểu mở đầu Lễ phát động

Các đại biểu dự Lễ phát động

Ngày 20/9/2026, tại Hà Nội, Bộ Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với UBND thành phố Hà Nội tổ chức Lễ phát động quốc gia hưởng ứng Chiến dịch Làm cho thế giới sạch hơn năm 2026 với chủ đề "Từ đĩa ăn sạch đến thành phố sạch". Sự kiện nhằm lan tỏa thông điệp giảm lãng phí thực phẩm, quản lý chất thải tại nguồn, thúc đẩy phân loại, thu hồi, tái chế và hình thành những thói quen sống thân thiện với môi trường trong cộng đồng. Phó Giám đốc Trung tâm Khuyến nông quốc gia Cao Minh Tuấn tham dự sự kiện.

Chiến dịch Làm cho thế giới sạch hơn được Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP) phát động trên quy mô toàn cầu từ năm 1993, diễn ra vào tuần thứ ba của tháng 9 hằng năm, thu hút sự tham gia của gần 200 quốc gia và hàng triệu người trên thế giới. Việt Nam bắt đầu hưởng ứng chiến dịch từ năm 1994. Sau hơn 30 năm, các hoạt động hưởng ứng đã góp phần nâng cao nhận thức, thúc đẩy hành động bảo vệ môi trường tại nhiều địa phương trên cả nước.

Phát biểu mở đầu lễ phát động, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Lê Trọng Yên cho biết, tại Việt Nam, chất thải thực phẩm và chất thải hữu cơ chiếm khoảng 50-70% tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt. Nếu không được giảm thiểu, phân loại, thu gom và xử lý phù hợp, lượng chất thải này sẽ tiếp tục tạo áp lực lớn đối với hạ tầng và môi trường đô thị. Vì vậy, chủ đề "Từ đĩa ăn sạch đến thành phố sạch" không chỉ đơn thuần là lời kêu gọi giữ gìn vệ sinh môi trường mà còn đặt ra cách tiếp cận toàn diện hơn trong quản lý chất thải. Một chiếc đĩa ăn sạch không chỉ thể hiện việc hạn chế bỏ thừa thực phẩm mà còn là điểm khởi đầu của một chuỗi tuần hoàn tài nguyên. Từ việc tiết kiệm thực phẩm trên bàn ăn, phân loại tại căn bếp đến thu gom, xử lý và tái chế, mỗi hành động đều có thể góp phần giảm phát sinh chất thải, hạn chế ô nhiễm và sử dụng hiệu quả hơn các nguồn tài nguyên.

Từ thực tế đó, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đề nghị các cấp, ngành, địa phương, doanh nghiệp và người dân cùng thực hiện giảm lãng phí thực phẩm, giảm phát sinh chất thải ngay từ nguồn; phân loại chất thải tại nguồn gắn với thu hồi và sử dụng hiệu quả tài nguyên; thúc đẩy đổi mới công nghệ, mô hình sản xuất, kinh doanh theo hướng giảm chất thải, kéo dài vòng đời sản phẩm, tăng khả năng tái sử dụng và tái chế. Cùng với đó là huy động sự tham gia của cộng đồng, tăng cường hợp tác và chia sẻ nguồn lực để xây dựng hệ thống quản lý chất thải hiệu quả hơn.

Đại diện Liên hợp quốc tại Việt Nam, bà Pauline Tamesis đánh giá cao việc Việt Nam lựa chọn giảm thất thoát, lãng phí thực phẩm và quản lý chất thải hữu cơ làm trọng tâm của Chiến dịch năm 2026. Theo bà, giải quyết vấn đề này vừa là yêu cầu cấp thiết về môi trường, vừa mở ra cơ hội tăng cường an ninh lương thực, xây dựng những đô thị lành mạnh hơn, đồng thời góp phần thực hiện mục tiêu trở thành quốc gia có thu nhập cao vào năm 2045 và đạt Net Zero vào năm 2050. Hiện nay trên thế giới, mỗi ngày có hơn 1 tỷ suất ăn bị lãng phí, làm gia tăng tác động của biến đổi khí hậu và gây áp lực lên hệ thống xử lý chất thải. Liên hợp quốc khẳng định tiếp tục đồng hành cùng Chính phủ và người dân Việt Nam trong chia sẻ tri thức, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, huy động các đối tác và hỗ trợ chuyển những cam kết về phát triển bền vững thành những thay đổi cụ thể trong đời sống.

Một trong những điểm nhấn của Lễ phát động năm nay là việc Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hà Nội (URENCO) chính thức kích hoạt mạng lưới 100 điểm phân loại - thu hồi chất thải tái chế (HUB), tích hợp bản đồ số trên địa bàn Thủ đô và phát động chiến dịch cộng đồng "21 ngày phân loại".

Mạng lưới 100 điểm HUB được định hướng trở thành hạ tầng thu hồi tài nguyên đặt gần khu dân cư. Tại các điểm này, các loại chất thải được tiếp nhận, phân loại và ghi nhận trước khi chuyển giao cho các đơn vị tái chế chuyên nghiệp. Việc tích hợp bản đồ số giúp người dân thuận tiện tra cứu điểm tiếp nhận gần nhất, đồng thời hỗ trợ cơ quan quản lý theo dõi dòng vật liệu một cách minh bạch hơn. Cùng với mạng lưới HUB, chương trình "21 ngày phân loại" được phát động nhằm duy trì hành động phân loại chất thải liên tục trong cộng đồng, từng bước hình thành thói quen phân loại tại nguồn trong đời sống hằng ngày.

Ngay sau lễ phát động, hơn 1.000 đoàn viên thanh niên, lực lượng công nhân môi trường và người dân đã tham gia chương trình "Đổi rác thải lấy quà", đồng thời ra quân thu gom rác thải, làm sạch vệ sinh môi trường tại Công viên Thống Nhất và nhiều khu vực trên địa bàn thành phố Hà Nội. Thông qua Chiến dịch Làm cho thế giới sạch hơn năm 2026, Việt Nam tiếp tục khẳng định sự tham gia và trách nhiệm trong các nỗ lực bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và thúc đẩy phát triển bền vững.

Đông đảo người dân tham gia lễ phát động

HÀ VŨ

CHUYỂN ĐỔI XANH, CHUYỂN ĐỔI SỐ THÚC ĐẨY SẢN XUẤT LÚA CHẤT LƯỢNG CAO, PHÁT THẢI THẤP

Ngày 2/10/2026, tại tỉnh Vĩnh Long, Trung tâm Khuyến nông quốc gia phối hợp với Trường Đại học Cửu Long và Tổng Hội Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam tổ chức Hội thảo khoa học "Chuyển đổi xanh, chuyển đổi số và giải pháp khoa học, công nghệ trong sản xuất lúa chất lượng cao, phát thải thấp vùng Đồng bằng sông Cửu Long". Hội thảo tập trung trao đổi các giải pháp kỹ thuật, tổ chức sản xuất và liên kết chuỗi nhằm nâng cao giá trị hạt gạo, giảm phát thải và cải thiện hiệu quả kinh tế cho người trồng lúa.

Đồng bằng sông Cửu Long là vùng sản xuất lúa trọng điểm của cả nước, đồng thời chịu nhiều tác động của biến đổi khí hậu. Trong bối cảnh yêu cầu về chất lượng nông sản, hiệu quả sử dụng tài nguyên và trách nhiệm môi trường ngày càng cao, sản xuất lúa không thể chỉ chú trọng năng suất, sản lượng mà cần chuyển mạnh sang nâng cao chất lượng, giảm chi phí, giảm phát thải và gia tăng giá trị trên mỗi đơn vị diện tích.

Tại Hội thảo, các đại biểu tập trung thảo luận về định hướng chuyển đổi xanh, chuyển đổi số trong sản xuất lúa; tiến độ triển khai Đề án phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao, phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030; các mô hình canh tác lúa phát thải thấp gắn với tổ chức sản xuất, liên kết chuỗi và thị trường carbon. Những nội dung về cơ chế hình thành tín chỉ carbon, hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định (MRV) và khả năng áp dụng tiêu chuẩn VietFarm cũng được trao đổi, góp phần làm rõ điều kiện để đo lường, xác nhận và nhân rộng kết quả giảm phát thải trong sản xuất lúa.

TS. Huỳnh Kim Định - Phó Giám đốc Trung tâm Khuyến nông quốc gia phát biểu tại Hội thảo

Một trong những vấn đề được nhấn mạnh là phải lấy hiệu quả kinh tế của người nông dân làm thước đo cho quá trình chuyển đổi. Khoa học, công nghệ và chuyển đổi số chỉ thực sự phát huy giá trị khi được ứng dụng phù hợp với điều kiện đồng ruộng, giúp giảm chi phí đầu vào, sử dụng hiệu quả giống, phân bón, nước tưới, nâng cao chất lượng sản phẩm và bảo đảm đầu ra ổn định. Cùng với đó, dữ liệu sản xuất minh bạch và khả năng truy xuất nguồn gốc sẽ tạo nền tảng để kết nối thị trường, đánh giá kết quả giảm phát thải và từng bước tiếp cận các cơ chế tạo giá trị mới từ môi trường.

Tham luận tại Hội thảo, TS. Huỳnh Kim Định, Phó Giám đốc Trung tâm Khuyến nông quốc gia, nhấn mạnh yêu cầu tổ chức lại sản xuất, nâng cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã và phát triển liên kết chuỗi giá trị. Theo ông, sản xuất lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long còn phân tán, với nhiều hộ nông dân và thửa ruộng nhỏ lẻ, trong khi sản xuất phát thải thấp đòi hỏi vùng nguyên liệu có quy trình tương đối đồng nhất, dữ liệu đầy đủ và khả năng kiểm chứng. Vì vậy, hợp tác xã cần phát huy vai trò tập hợp nông dân, tổ chức vùng sản xuất và kết nối với doanh nghiệp; đồng thời, các liên kết theo chuỗi cần được củng cố để tạo điều kiện tiếp cận nguồn vốn, đầu tư xanh và mở rộng thị trường.

Những định hướng này cho thấy vai trò của khuyến nông không chỉ dừng ở chuyển giao kỹ thuật canh tác mà còn mở rộng sang tư vấn, hỗ trợ tổ chức sản xuất, nâng cao năng lực hợp tác xã và kết nối nông dân với doanh nghiệp, nhà khoa học cùng các tổ chức liên quan. Thông qua xây dựng, hướng dẫn và nhân rộng mô hình, hệ thống khuyến nông góp phần đưa các tiến bộ khoa học, công nghệ vào thực tiễn; hỗ trợ nông dân thay đổi phương thức sản xuất, tiếp cận quy trình canh tác giảm phát thải và từng bước đáp ứng yêu cầu về chất lượng, dữ liệu, truy xuất nguồn gốc.

Đặc biệt, để các mô hình không dừng lại ở phạm vi thí điểm, khuyến nông cần đồng hành với địa phương và hợp tác xã trong suốt quá trình triển khai: từ lựa chọn giải pháp kỹ thuật phù hợp, tổ chức sản xuất theo quy trình thống nhất đến theo dõi hiệu quả, kết nối tiêu thụ và chia sẻ kinh nghiệm. Việc gắn chuyển giao kỹ thuật với tổ chức vùng nguyên liệu và liên kết chuỗi sẽ góp phần tạo điều kiện để nông dân tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị, nâng cao hiệu quả sản xuất và hưởng lợi thiết thực từ quá trình chuyển đổi xanh.

Hội thảo cũng khẳng định tầm quan trọng của sự phối hợp giữa cơ quan khuyến nông, cơ sở đào tạo, nhà khoa học, doanh nghiệp và các tổ chức nghề nghiệp trong nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng công nghệ. Đây là cơ sở để các giải pháp được hoàn thiện từ thực tiễn sản xuất, đồng thời giúp những kết quả nghiên cứu được đưa đến gần hơn với nông dân.

Với định hướng lấy người nông dân làm trung tâm, chuyển đổi xanh làm mục tiêu, chuyển đổi số làm công cụ và liên kết chuỗi làm điều kiện thực hiện, khuyến nông tiếp tục giữ vai trò cầu nối giữa khoa học, chính sách và đồng ruộng. Qua đó, góp phần thúc đẩy thực hiện Đề án một triệu héc-ta lúa chất lượng cao, phát thải thấp, hướng tới ngành hàng lúa gạo Đồng bằng sông Cửu Long phát triển hiệu quả, bền vững và nâng cao giá trị cho người trồng lúa.

BBT

NÂNG CAO NĂNG LỰC KHUYẾN NÔNG TRONG TỔ CHỨC SẢN XUẤT GẮN VỚI THỊ TRƯỜNG

Trong tháng 8 và tháng 9/2026, Trung tâm Khuyến nông quốc gia phối hợp với các đơn vị khuyến nông địa phương Hà Tĩnh, Sơn La và Tuyên Quang, tổ chức các lớp tập huấn tập trung vào nâng cao năng lực tiếp cận thị trường, tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị và liên kết tiêu thụ nông sản.

Từ sản xuất đến thị trường

Được tổ chức tại ba địa phương với những sản phẩm và điều kiện sản xuất khác nhau, các lớp tập huấn đều hướng đến yêu cầu chung là nâng cao năng lực của hệ thống khuyến nông trong việc đưa thông tin thị trường đến cơ sở, hỗ trợ người sản xuất tổ chức sản xuất phù hợp với nhu cầu thị trường, đồng thời thúc đẩy liên kết giữa nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp.

Tại Hà Tĩnh và Sơn La, nội dung tập huấn tập trung vào những kiến thức cơ bản về đặc điểm, vai trò và phân loại thị trường nông sản; phương pháp và kỹ năng tiếp cận thị trường; các kênh phân phối và những yêu cầu đặt ra đối với sản phẩm khi tham gia thị trường. Ngoài ra, một nội dung mới được quan tâm là hướng dẫn học viên sử dụng công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) trong nghiên cứu thị trường. Thông qua đó, cán bộ khuyến nông có thêm phương pháp thu thập, khai thác và xử lý thông tin, phục vụ tư vấn cho người sản xuất trong lựa chọn sản phẩm, tổ chức sản xuất và tiếp cận các kênh tiêu thụ phù hợp.

Tại Tuyên Quang, nội dung được mở rộng theo hướng tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với thị trường tiêu thụ và xuất khẩu. Học viên được cập nhật các yêu cầu đối với nông sản khi tham gia các kênh phân phối hiện đại và thị trường quốc tế, trong đó có tiêu chuẩn chất lượng, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc, mã số vùng trồng, xây dựng thương hiệu và quản trị hợp đồng thương mại.

Tăng cường kỹ năng xây dựng và quản trị liên kết

Bên cạnh kiến thức về thị trường, kỹ năng xây dựng và phát triển mối liên kết là nội dung xuyên suốt trong các chương trình tập huấn.

Tại Hà Tĩnh, học viên được tìm hiểu về các tác nhân và hình thức liên kết trong sản xuất, tiêu thụ nông sản; kỹ năng xây dựng, phát triển mối liên kết; kỹ năng đàm phán khi ký kết và quản lý hợp đồng. Đây là những kiến thức có ý nghĩa thiết thực đối với cán bộ khuyến nông trong quá trình hỗ trợ các hộ sản xuất, tổ hợp tác, hợp tác xã tăng cường hợp tác với doanh nghiệp.

Tại Sơn La, chương trình dành thời lượng cho các kỹ năng thúc đẩy liên kết chuỗi giá trị và quản trị hợp đồng thương mại, đồng thời phân tích kinh nghiệm xây dựng liên kết và phát triển thị trường đối với ngành hàng cà phê - một trong những cây trồng chủ lực của tỉnh và khu vực Tây Bắc.

Trong khi đó, tại Tuyên Quang, học viên được thực hành tình huống mô phỏng xây dựng hợp đồng liên kết sản xuất và bao tiêu bưởi xuất khẩu. Qua

tình huống thực tế, học viên có điều kiện vận dụng kiến thức về tổ chức sản xuất, yêu cầu chất lượng, trách nhiệm của các bên và các nội dung cơ bản trong hợp đồng liên kết.

Gắn nội dung tập huấn với sản phẩm và mô hình thực tế

Một điểm chung trong phương pháp tổ chức các lớp tập huấn là kết hợp giữa lý thuyết, thực hành tình huống và tham quan mô hình. Qua đó, kiến thức được gắn với những sản phẩm cụ thể và những vấn đề thực tế đang đặt ra tại địa phương.

Tại Hà Tĩnh, học viên được chia sẻ kinh nghiệm xây dựng liên kết và phát triển thị trường tiêu thụ đối với cam giòn và bưởi Phúc Trạch. Đây là những sản phẩm có thế mạnh của địa phương, qua đó giúp học viên có thêm kinh nghiệm trong tổ chức sản xuất, xây dựng liên kết và phát triển thị trường.

Tại Sơn La, các học viên được tham quan, khảo sát mô hình sản xuất rượu Kim Duy và mô hình chăn nuôi vịt cổ xanh bản địa. Hoạt động thực tế giúp học viên tìm hiểu cách tổ chức sản xuất các sản phẩm đặc sản địa phương gắn với bảo tồn giống bản địa, chuẩn hóa quy trình sơ chế, chế biến và tìm kiếm hướng liên kết tiêu thụ sản phẩm OCOP.

Tại Tuyên Quang, học viên tham quan mô hình liên kết trồng bưởi theo tiêu chuẩn VietGAP tại xã Yên Sơn. Tại đây, cán bộ Trung tâm Khuyến nông tỉnh Tuyên Quang trao đổi về thực tế tổ chức sản xuất, quy trình canh tác theo VietGAP và giải đáp những vấn đề học viên quan tâm.

Việc lựa chọn các mô hình có sản phẩm cụ thể, có liên kết hoặc đang tìm kiếm hướng mở rộng thị trường giúp học viên dễ dàng đối chiếu kiến thức được học với thực tiễn. Đồng thời, đây cũng là cơ hội để cán bộ khuyến nông trao đổi kinh nghiệm, nhận diện những khó khăn trong tổ chức sản xuất và tiêu thụ, từ đó có thêm cơ sở để tư vấn, hỗ trợ người dân tại địa phương.

Phát huy vai trò khuyến nông trong kết nối chuỗi giá trị

Các lớp tập huấn tại Hà Tĩnh, Sơn La và Tuyên Quang cho thấy nội dung đào tạo, huấn luyện của hệ thống khuyến nông đang được mở rộng theo hướng đáp ứng tốt hơn yêu cầu của sản xuất hàng hóa và thị trường. Từ việc nắm bắt nhu cầu thị trường, hỗ trợ lựa chọn sản phẩm, tổ chức vùng nguyên liệu, áp dụng tiêu chuẩn chất lượng, truy xuất nguồn gốc đến kết nối doanh nghiệp, xây dựng và quản trị hợp đồng, cán bộ khuyến nông ngày càng phải trang bị nhiều kỹ năng để có thể đồng hành hiệu quả với nông dân và các chủ thể sản xuất.

Đặc biệt, việc đưa nội dung ứng dụng AI trong nghiên cứu thị trường vào tập huấn tại Hà Tĩnh và Sơn La cho thấy yêu cầu ứng dụng công nghệ số trong hoạt động khuyến nông ngày càng rõ nét. Khi thông tin thị trường thay đổi nhanh, khả năng thu thập, phân tích và khai thác thông tin kịp thời sẽ giúp cán bộ khuyến nông nâng cao chất lượng tư vấn, hỗ trợ người sản xuất chủ động hơn trong tổ chức sản xuất và tiêu thụ.

Thông qua các lớp tập huấn, đội ngũ cán bộ khuyến nông được bổ sung kiến thức và kỹ năng về thị trường, liên kết chuỗi, tiêu chuẩn sản phẩm, hợp đồng thương mại và ứng dụng công nghệ. Đây là cơ sở để lực lượng khuyến nông tiếp tục phát huy vai trò cầu nối giữa người sản xuất, hợp tác xã, doanh nghiệp và thị trường; hỗ trợ hình thành các mối liên kết ổn định, nâng cao chất lượng, giá trị và khả năng cạnh tranh của nông sản.

Các học viên chia sẻ kinh nghiệm liên kết và phát triển thị trường tại Hà Tĩnh.

KHUYẾN NÔNG ĐỒNG HÀNH ĐỂ MÃ SỐ VÙNG TRỒNG ĐI VÀO THỰC CHẤT

Triển khai Nghị quyết 36/2026/NQ-CP, những ngày đầu tháng 8/2026, Đoàn công tác của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật đã trực tiếp hỗ trợ địa phương tháo gỡ vướng mắc, hướng dẫn thực hiện quy trình mới về mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói (MSVT, MSCSĐG). Tham gia Đoàn công tác có đại diện các đơn vị chuyên môn liên quan đến trồng trọt và bảo vệ thực vật, chuyển đổi số, quản lý đất đai, chất lượng, chế biến, phát triển thị trường và Trung tâm Khuyến nông quốc gia. Sự tham gia của nhiều đơn vị chuyên môn nhằm tạo sự phối hợp thống nhất, hỗ trợ địa phương xử lý những vấn đề liên quan đồng thời đến thủ tục hành chính, dữ liệu, sản xuất, quản lý mã số và yêu cầu thị trường.

Theo phân công, Đoàn công tác có nhiệm vụ rà soát tình hình triển khai Nghị quyết tại các tỉnh Lâm Đồng, Gia Lai, Khánh Hòa, Đồng Nai; hướng dẫn quy trình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ cấp mới, cấp lại MSVT, MSCSĐG trên môi trường điện tử; hỗ trợ trực tiếp tại một số xã; hướng dẫn thao tác trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; đồng thời trao đổi, làm rõ trách nhiệm của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và UBND cấp xã trong quản lý, giám sát, hậu kiểm, cập nhật và lưu trữ dữ liệu sau khi mã số được cấp.

Hỗ trợ địa phương từ quy trình đến thực tiễn

Điểm đáng chú ý trong hoạt động của các Đoàn công tác là không chỉ phổ biến những nội dung mới của Nghị quyết 36/2026/NQ-CP, mà tập trung hướng dẫn địa phương thực hiện được quy trình trong thực tế.

Tại các tỉnh, Đoàn công tác phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan chuyên môn và chính quyền cơ sở rà soát những khó khăn, vướng mắc; hướng dẫn hồ sơ, quy trình và thao tác thực hiện trên môi trường điện tử; giải đáp những tình huống phát sinh trong quá trình triển khai. Cách làm là hướng dẫn đến đâu, thực hành đến đó, giúp cán bộ ở địa phương từng bước nắm chắc quy trình, có khả năng chủ động thực hiện sau khi Đoàn công tác kết thúc.

Đoàn công tác không làm thay chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của cơ quan chuyên môn địa phương, UBND cấp xã, mà tập trung vào vai trò hỗ trợ, hướng dẫn chuyên môn, kỹ thuật và phối hợp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc. Qua đó, trách nhiệm tổ chức thực hiện vẫn được đặt tại địa phương, đồng thời bảo đảm sự thống nhất trong quá trình triển khai chính sách mới.

Đây là cách tiếp cận cần thiết trong bối cảnh việc quản lý MSVT, MSCSĐG đang chuyển mạnh từ tư duy "cấp mã số" sang "quản lý mã số". Bởi một mã số được cấp mới chỉ là điểm bắt đầu. Để mã số duy trì giá trị, vùng trồng và cơ sở đóng gói phải tiếp tục đáp ứng các yêu cầu về sản xuất, kiểm soát sinh vật gây hại, ghi chép, truy xuất nguồn gốc, quản lý dữ liệu và các yêu cầu của thị trường.

Khuyến nông đưa yêu cầu quản lý về gần với người sản xuất

Trong tổng thể hoạt động của các Đoàn công tác, Trung tâm Khuyến nông quốc gia là một thành phần tham gia, với thế mạnh là bám cơ sở, gần người sản xuất và có hệ thống khuyến nông tại địa phương.

Điều này đặc biệt có ý nghĩa khi MSVT, MSCSĐG không chỉ liên quan đến một quy trình hành chính mà gắn trực tiếp với cách thức tổ chức và quản lý sản xuất.

Để duy trì một mã số vùng trồng, người sản xuất cần thực hiện nhiều yêu cầu trong suốt quá trình canh tác: sử dụng vật tư đầu vào đúng quy định,

Lực lượng khuyến nông giúp bà con thực hiện tốt những yêu cầu phía sau một mã số

kiểm soát sinh vật gây hại, bảo đảm an toàn trong sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, ghi chép nhật ký sản xuất, lưu giữ thông tin và thực hiện các yêu cầu về truy xuất nguồn gốc. Đây là những nội dung gắn chặt với hoạt động hướng dẫn sản xuất của hệ thống khuyến nông.

Vì vậy, thông qua việc tham gia Đoàn công tác, Trung tâm Khuyến nông quốc gia có điều kiện nắm bắt trực tiếp những yêu cầu mới, những khó khăn của địa phương và cơ sở để tiếp tục hỗ trợ trong phạm vi chức năng của mình. Vai trò của khuyến nông ở đây là đồng hành cùng người sản xuất để thực hiện tốt những yêu cầu nằm phía sau một mã số. Từ hướng dẫn kỹ thuật, tổ chức sản xuất đến ghi chép, truy xuất và tuân thủ quy trình, khuyến nông có thể góp phần giúp nông dân, hợp tác xã hiểu rõ hơn vì sao phải thực hiện các yêu cầu này và thực hiện như thế nào trong điều kiện sản xuất cụ thể.

Nói cách khác, nếu cơ quan quản lý tập trung bảo đảm quy trình cấp và quản lý mã số được thực hiện đúng, thì khuyến nông có thể góp phần quan trọng ở phía sản xuất, giúp những yêu cầu của mã số được thực hiện và duy trì trên thực tế.

Từ mã số đến vùng sản xuất có trách nhiệm

Nghị quyết 36/2026/NQ-CP tạo thêm điều kiện thuận lợi về thủ tục hành chính, nhưng để chính sách phát huy hiệu quả, điều quan trọng vẫn là năng lực thực hiện ở cơ sở.

Đối với địa phương, đó là năng lực tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, quản lý dữ liệu, giám sát và hậu kiểm. Đối với người sản xuất, hợp tác xã và doanh nghiệp, đó là năng lực duy trì các điều kiện của vùng trồng, cơ sở đóng gói và thực hiện đầy đủ các yêu cầu về truy xuất, chất lượng và an toàn.

Trong quá trình đó, sự phối hợp giữa các cơ quan chuyên môn và hệ thống khuyến nông sẽ giúp tạo thành một chuỗi hỗ trợ tương đối đầy đủ: cơ quan quản lý hướng dẫn và kiểm soát quy trình; cơ quan chuyên môn hỗ trợ kỹ thuật; chuyển đổi số hỗ trợ về dữ liệu và môi trường điện tử; khuyến nông đồng hành cùng cơ sở và người sản xuất.

Mục tiêu cuối cùng không chỉ là giúp địa phương thực hiện đúng Nghị quyết 36/2026/NQ-CP, mà hướng tới hình thành phương thức quản lý MSVT, MSCSĐG thống nhất, minh bạch, thuận lợi và có khả năng kiểm tra, giám sát, truy xuất. Với khuyến nông, đây cũng là cơ hội để tiếp tục mở rộng phương thức đồng hành với người sản xuất: không chỉ chuyển giao kỹ thuật mà còn góp phần kết nối sản xuất với quản lý, dữ liệu và thị trường.

Thời gian tới, Trung tâm Khuyến nông quốc gia tiếp tục đồng hành cùng các cơ quan chuyên môn và địa phương, góp phần đưa yêu cầu của quản lý và thị trường đến gần hơn với người nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp.

QUANG VINH
Trung tâm Khuyến nông quốc gia

TỪ MÔ HÌNH NUÔI NGAO HAI CÙI ĐẾN SỨC LAN TỎA CỦA MÔ HÌNH KHUYẾN NÔNG

Trong phát triển nuôi biển theo hướng xanh, hiệu quả và bền vững, lựa chọn đúng đối tượng nuôi, tổ chức sản xuất theo quy trình kỹ thuật và gắn với thị trường tiêu thụ có ý nghĩa quan trọng. Cùng với đó, sự vào cuộc đồng bộ của hệ thống khuyến nông từ Trung ương đến cơ sở là một trong những yếu tố góp phần đưa tiến bộ kỹ thuật vào thực tiễn, tạo sức lan tỏa và khẳng định hiệu quả của mô hình.

Thực tiễn triển khai Dự án Khuyến nông Trung ương "Xây dựng mô hình nuôi thương phẩm ngao hai cùi (Tapes conspersus) gắn với tiêu thụ sản phẩm" giai đoạn 2024 - 2026 do Trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản chủ trì, thực hiện tại các tỉnh Quảng Ninh và Khánh Hòa là một minh chứng. Dự án xây dựng 4 mô hình với tổng quy mô 25.600 m², 128.000 lồng nuôi. Sau khoảng 12 tháng nuôi, ngao đạt khối lượng trung bình 34,1 g/con, tỷ lệ sống 62,25%, năng suất 6,33 kg/m², tổng sản lượng khoảng 162 tấn, tỷ suất lợi nhuận

trên 50%; sản phẩm được liên kết tiêu thụ. Những kết quả này không chỉ khẳng định hiệu quả của mô hình mà còn cho thấy vai trò của hệ thống khuyến nông trong chuyển giao kỹ thuật, tổ chức sản xuất, kết nối thị trường và tạo nền tảng để tiếp tục nhân rộng.

Một trong những điểm nổi bật của dự án là vai trò của hệ thống khuyến nông được thể hiện xuyên suốt từ lựa chọn địa điểm, lựa chọn hộ tham gia, tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật đến kết nối tiêu thụ và nhân rộng mô hình.

Với vai trò cơ quan chủ quản, Trung tâm Khuyến nông quốc gia thực hiện quản lý, điều phối, kiểm tra tiến độ, theo dõi chế độ báo cáo và phối hợp xử lý những vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai. Qua đó, các nội dung thực hiện được bảo đảm bám sát mục tiêu, tiến độ và yêu cầu kỹ thuật của dự án.

Tại địa phương, cán bộ khuyến nông và cán bộ kỹ thuật phối hợp với đơn vị chủ trì dự án trực tiếp đồng hành cùng người nuôi. Từ chuẩn bị bãi, lồng nuôi, lựa chọn, vận chuyển và thả giống đến quản lý môi trường, chăm sóc, thu hoạch và hạch toán hiệu quả kinh tế, người dân đều được hướng dẫn cụ thể. Cán bộ theo dõi mô hình thường xuyên nắm bắt tình hình, hướng dẫn kỹ thuật, theo dõi tiến độ và tổng hợp, báo cáo kết quả trong suốt quá trình sản xuất.

Vai trò này càng được thể hiện rõ trong những thời điểm thời tiết, môi trường diễn biến bất lợi. Khi bão, lũ hoặc điều kiện môi trường nuôi thay đổi đột ngột, việc cán bộ kỹ thuật bám địa bàn, theo dõi các chỉ tiêu môi trường, hướng dẫn vệ sinh vùng nuôi và xử lý kịp thời các tình huống phát sinh đã góp phần hạn chế rủi ro, duy trì hiệu quả mô hình.

Thực tế cho thấy, khuyến nông không chỉ dừng ở việc chuyển giao một quy trình kỹ thuật, mà quan trọng hơn là quá trình đồng hành cùng người dân, giúp kỹ thuật được áp dụng đúng và phù hợp với điều kiện sản xuất cụ thể. Đặc biệt, đội ngũ khuyến nông cơ sở là lực lượng gần dân, sát sản xuất, đóng vai trò cầu nối giữa cơ quan quản lý, đơn vị khoa học, đơn vị thu mua và người sản xuất.

Song song với xây dựng mô hình, dự án chú trọng đào tạo, tập huấn và truyền thông nhằm mở rộng phạm vi tiếp cận. Trong giai đoạn 2024 - 2026, dự án tổ chức 4 lớp tập huấn trong mô hình với 56 lượt người tham gia và 5 lớp tập huấn nhân rộng với 150 người, trong đó có cộng tác viên khuyến nông và các hộ dân có nhu cầu áp dụng kỹ thuật. Nội dung tập huấn bao quát từ kỹ thuật nuôi, quản lý môi trường, phòng bệnh đến thu hoạch, hạch toán và ghi chép nhật ký sản xuất.

Cùng với đó, 9 tin, bài, 2.100 tờ rơi và 400 cuốn tài liệu kỹ thuật được phát hành; các hội thảo tham quan, đánh giá mô hình tạo điều kiện để người dân trực tiếp quan sát, trao đổi và học hỏi kinh nghiệm.

Hiệu quả nhân rộng là một trong những minh chứng rõ nét cho sức lan tỏa của dự án. Ngoài các hộ trực tiếp tham gia mô hình, nhiều hộ dân tại Cô Tô, Đống Chén, Cống Nứa và Hòn Giữa đã chủ động áp dụng kỹ thuật vào sản xuất. Tỷ lệ nhân rộng toàn dự án đạt 183,5%, cao hơn nhiều so với mục tiêu tối thiểu 15% của dự án.

Kết quả này cho thấy, một mô hình khuyến nông chỉ thực sự phát huy giá trị khi không dừng lại ở nghiệm thu, tổng kết, mà tiếp tục được người dân duy trì và nhân rộng bằng chính nguồn lực của mình.

Trong thời gian tới, để phát huy hiệu quả mô hình nuôi ngao hai cùi, cần tiếp tục duy trì các điểm trình diễn như những "lớp học thực tế", phát huy vai trò của các hộ nòng cốt và đội ngũ khuyến nông cơ sở trong chuyển giao kỹ thuật; đồng thời gắn nhân rộng mô hình với quy hoạch vùng nuôi, sức tải môi trường, chất lượng giống và liên kết tiêu thụ sản phẩm.

Từ thực tiễn dự án có thể thấy, mô hình chỉ là điểm khởi đầu, còn nhân rộng mới là mục tiêu lâu dài của hoạt động khuyến nông. Khi hệ thống khuyến nông phát huy tốt vai trò kết nối, đồng hành và lan tỏa, nguồn lực đầu tư của Nhà nước sẽ tạo ra giá trị lớn hơn, góp phần hình thành những vùng nuôi hiệu quả, nâng cao thu nhập cho người dân và thúc đẩy phát triển nuôi biển theo hướng xanh, bền vững, gắn với thị trường.

ĐẶNG TRƯỜNG
Trung tâm Khuyến nông quốc gia

KHUYẾN NÔNG ĐỒNG HÀNH NÂNG CAO HIỆU QUẢ NGHỀ TRỒNG DÂU NUÔI TẰM TẠI LÀO CAI

Năm 2026, Trung tâm Khuyến nông tỉnh Lào Cai phối hợp với UBND xã Xuân Ái triển khai mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật thâm canh dâu và nuôi tằm 2 giai đoạn, với quy mô 4 ha dâu thâm canh và 960 vòng tằm tại Hợp tác xã Đại Phác nhằm giúp nông dân nắm vững tiến bộ khoa học kỹ thuật trong thâm canh dâu và nuôi tằm 2 giai đoạn, từ chăm sóc cây dâu, thu hái, bảo quản lá đến kỹ thuật nuôi tằm, phòng trừ bệnh hại.

Từ một tổ hợp tác có quy mô sản xuất chỉ khoảng 1,5 ha, còn nhiều khó khăn về kinh nghiệm và kỹ thuật, đến nay Hợp tác xã trồng dâu nuôi tằm thôn Đại Phác, xã Xuân Ái, tỉnh Lào Cai đã từng bước mở rộng vùng nguyên liệu, nâng cao hiệu quả sản xuất và hình thành hướng phát triển nghề dâu tằm theo hướng tập trung, gắn với thị trường. Trong quá trình đó, sự chủ động của người dân và Hợp tác xã có vai trò quyết định; sự đồng hành, hỗ trợ về khoa học kỹ thuật của ngành khuyến nông đã góp phần tạo thêm động lực để nghề dâu tằm phát triển.

Tổ hợp tác trồng dâu nuôi tằm thôn Đại Phác được thành lập tháng 4/2024 với quy mô ban đầu khoảng 1,5 ha. Những ngày đầu, các thành viên còn thiếu kinh nghiệm, điều kiện sản xuất hạn chế, việc áp dụng kỹ thuật trong chăm sóc cây dâu và nuôi tằm chưa đồng đều. Tuy nhiên, với tinh thần mạnh dạn học hỏi, tích lũy kinh nghiệm, đầu tư cơ sở vật chất và từng bước áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, mô hình đã có những chuyển biến tích cực.

Đầu năm 2026, Tổ hợp tác phát triển thành Hợp tác xã. Từ 1,5 ha đất trồng dâu ban đầu, đến nay diện tích vùng nguyên liệu đã được mở rộng lên 8 ha. Hợp tác xã duy trì 7 thành viên, đồng thời đầu tư 2 nhà nuôi tằm với tổng diện tích khoảng 500 m^2. Việc mở rộng diện tích vùng dâu và đầu tư cơ sở nuôi tằm đã tạo điều kiện để Hợp tác xã từng bước chủ động nguồn thức ăn, tổ chức sản xuất ổn định và nâng cao quy mô nghề dâu tằm.

Bà Hoàng Thị Lon, Giám đốc Hợp tác xã trồng dâu nuôi tằm thôn Đại Phác chia sẻ: "Nghề trồng dâu, nuôi tằm đòi hỏi sự cần cù, tỉ mỉ và tuân thủ kỹ thuật ở từng khâu. Khi chủ động được nguồn lá dâu và nắm chắc kỹ thuật chăm sóc tằm, hiệu quả sản xuất được nâng lên rõ rệt. Điều đáng mừng là chất lượng kén ngày càng ổn định, sản phẩm làm ra được thị trường đón nhận. Hiện nay, kén tằm của Hợp tác xã được xuất bán cho các đầu mối, thị trường trong tỉnh, giúp việc tiêu thụ thuận lợi hơn".

Nhờ chú trọng chất lượng sản phẩm và từng bước áp dụng kỹ thuật vào sản xuất, kén tằm của Hợp tác xã ngày càng đồng đều, đáp ứng yêu cầu của các cơ sở thu mua. Sau mỗi lứa nuôi, kén được thu gom, phân loại và đưa ra thị trường, từng bước hình thành đầu ra tương đối ổn định. Đây là động lực để các thành viên tiếp tục đầu tư chăm sóc vùng dâu, cải thiện điều kiện nuôi tằm và nâng cao chất lượng sản phẩm.

Hiện tổng thu nhập của Hợp tác xã ước đạt khoảng 1,5 - 1,7 tỷ đồng/năm. Kết quả này cho thấy hiệu quả bước đầu của việc tổ chức sản xuất theo hướng tập trung, chủ động nguồn nguyên liệu và tăng cường ứng dụng tiến bộ kỹ thuật.

Ông Lương Quang Thạch, Phó Giám đốc Trung tâm Khuyến nông tỉnh Lào Cai cho biết: "Mục tiêu của mô hình là giúp nông dân nắm vững tiến bộ khoa học kỹ thuật trong thâm canh dâu và nuôi tằm 2 giai đoạn, từ chăm sóc cây dâu, thu hái, bảo quản lá đến kỹ thuật nuôi tằm, phòng trừ bệnh hại. Qua đó, tăng tỷ lệ tằm sống, giảm hao hụt, nâng năng suất và chất lượng kén, đồng thời từng bước giảm việc sử dụng thuốc hóa học, hướng đến sản xuất an toàn, bền vững và thân thiện với môi trường".

Điểm đáng chú ý trong quá trình triển khai là phương thức chuyển giao kỹ thuật được thực hiện theo hướng "cầm tay chỉ việc", lấy người dân làm trung tâm. Cán bộ khuyến nông hướng dẫn trực tiếp trên đồng ruộng, tại nhà nuôi tằm; giúp người dân thực hành, quan sát và chủ động xử lý những vấn đề phát sinh trong quá trình sản xuất. Qua đó, người dân từng bước hình thành thói quen sản xuất theo quy trình, chủ động theo dõi sinh trưởng của cây dâu, nhận biết sớm sâu bệnh và thực hiện đúng các yêu cầu kỹ thuật trong nuôi tằm 2 giai đoạn.

Trung tâm Khuyến nông tiếp tục theo dõi, đánh giá kết quả mô hình, tổng hợp những kinh nghiệm thực tiễn để hoàn thiện quy trình kỹ thuật phù hợp với điều kiện sản xuất của địa phương; đồng thời lựa chọn những hộ có kết quả tốt làm điểm trình diễn, tuyên truyền để các hộ dân khác học tập và nhân rộng.

Từ thực tiễn tại Đại Phác, Trung tâm Khuyến nông Lào Cai xác định việc hỗ trợ phát triển nghề dâu tằm cần được thực hiện đồng bộ, không chỉ dừng lại ở xây dựng mô hình và chuyển giao kỹ thuật mà cần gắn với tổ chức sản xuất, phát triển vùng nguyên liệu, nâng cao năng lực Hợp tác xã và liên kết thị trường.

Trong thời gian tới, công tác khuyến nông sẽ tiếp tục tập trung hướng dẫn Hợp tác xã và các hộ dân duy trì, chăm sóc và mở rộng vùng dâu theo hướng tập trung; áp dụng các quy trình kỹ thuật phù hợp, hướng người dân đến phương thức sản xuất an toàn, tiết kiệm và thân thiện với môi trường. Tăng cường đào tạo, tập huấn, xây dựng các hộ nông dân nòng cốt có khả năng thực hành tốt và hướng dẫn lại cho các hộ khác, từng bước hình thành nhóm nông dân cùng sở thích. Hỗ trợ Hợp tác xã nâng cao năng lực tổ chức sản xuất và quản lý như xây dựng kế hoạch sản xuất phù hợp với nhu cầu thị trường, thống nhất quy trình kỹ thuật giữa các thành viên, kiểm soát chất lượng sản phẩm và nâng cao hiệu quả hoạt động. Đồng thời, tăng cường kết nối Hợp tác xã với các cơ sở thu mua, doanh nghiệp và các đầu mối tiêu thụ; hỗ trợ cập nhật thông tin thị trường, yêu cầu về chất lượng sản phẩm và phương thức liên kết sản xuất - tiêu thụ.

Từ những mô hình cụ thể như Đại Phác, hoạt động khuyến nông đang từng bước góp phần biến kiến thức khoa học kỹ thuật thành hiệu quả sản xuất, tạo sinh kế, nâng cao thu nhập và thúc đẩy phát triển nông nghiệp hàng hóa trên địa bàn tỉnh.

Cán bộ khuyến nông hướng dẫn kỹ thuật nuôi tằm cho người dân HTX Đại Phác

VĂN ĐOÀN - TRẦN DUNG
Trung tâm Khuyến nông Lào Cai

HƯỚNG ĐI MỚI CHO NGHỀ NUÔI TÔM SÚ TẠI TỈNH QUẢNG TRỊ

Những năm gần đây, nghề nuôi tôm sú tại tỉnh Quảng Trị đang đối mặt với nhiều khó khăn do thời tiết diễn biến thất thường, môi trường nuôi biến động, dịch bệnh thường xuyên xảy ra, trong khi chi phí đầu tư sản xuất ngày càng tăng. Trước thực tế đó, việc lựa chọn giống nuôi phù hợp, áp dụng quy trình kỹ thuật tiên tiến nhằm giảm thiểu rủi ro, nâng cao hiệu quả kinh tế đang trở thành yêu cầu cấp thiết đối với người nuôi.

Tại các xã Quảng Ninh và Vĩnh Thủy, mô hình nuôi tôm sú 2 giai đoạn gắn với chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm do Trung tâm Khuyến nông tỉnh triển khai đang cho thấy những tín hiệu tích cực. Không chỉ giúp người nuôi chủ động hơn trong quản lý môi trường, hạn chế dịch bệnh, mô hình còn mở ra hướng đi mới với việc đưa giống tôm sú gia hóa Moana vào sản xuất, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và hướng tới phát triển nghề nuôi tôm bền vững.

Sau nhiều vụ nuôi chưa đạt hiệu quả như kỳ vọng, năm 2026, anh Trần Khả Năng ở thôn Trúc Ly, xã Quảng Ninh quyết định thay đổi phương thức sản xuất khi tham gia mô hình nuôi tôm sú 2 giai đoạn gắn với chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm do Trung tâm Khuyến nông tỉnh triển khai. Tham gia mô hình, anh Năng được tiếp cận với giống tôm sú gia hóa Moana và quy trình nuôi 2 giai đoạn.

Trên diện tích 0,5 ha, anh Năng thả nuôi 12,5 vạn con giống. Sau gần 4 tháng nuôi, tôm đạt kích cỡ bình quân 30 con/kg, tỉ lệ sống trên 85%, sản lượng thu hoạch trên 3,1 tấn. Trừ chi phí, mô hình cho lợi nhuận trên 250 triệu đồng. Để đạt được kết quả trên, ngoài quy trình nuôi 2 giai đoạn, một điểm mới của mô hình đó là lần đầu tiên giống tôm sú gia hóa Moana được đưa vào nuôi. Đây là giống tôm sú mới có nhiều ưu điểm như hoạt động mạnh, bắt mồi tốt, lớn nhanh và kích cỡ đồng đều.

Theo ông Phan Văn Phương - Phó Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quảng Trị, tôm sú gia hóa Moana được thuần hóa, chọn lọc qua nhiều thế hệ nhằm duy trì những đặc tính di truyền ưu việt như khả năng sinh trưởng nhanh, sức khỏe tốt, thích nghi với điều kiện môi trường, kích cỡ đồng đều. Khi đưa vào nuôi thương phẩm, giống tôm này giúp nâng cao tỉ lệ sống, rút ngắn thời gian nuôi, giảm hệ số chuyển đổi thức ăn và tiết kiệm chi phí sản xuất. Giống tôm này thích nghi

được cả trên ao đất và ao lót bạt trên cát. Mô hình cho năng suất, hiệu quả kinh tế cao hơn từ 1,5 - 2 lần so với phương thức nuôi tôm sú truyền thống.

Bên cạnh giống tôm sú gia hóa Moana, việc áp dụng quy trình nuôi tôm sú 2 giai đoạn cũng đang tạo ra sự thay đổi trong tư duy sản xuất của người nuôi. Tại xã Vĩnh Thủy, anh Nguyễn Hải Khôi ở thôn Huỳnh Xá là một trong những hộ tham gia mô hình.

Theo anh Khôi, khó khăn lớn nhất của người nuôi tôm trước đây là việc kiểm soát môi trường trong giai đoạn đầu vụ. Khi tôm còn nhỏ, sức đề kháng yếu, chỉ cần môi trường ao nuôi biến động hoặc xuất hiện dịch bệnh thì nguy cơ thiệt hại rất lớn. Sau khi áp dụng quy trình nuôi hai giai đoạn, tôm giống được ương trong ao riêng trước khi chuyển sang ao nuôi thương phẩm. Quy trình này giúp người nuôi chủ động kiểm soát môi trường nước, theo dõi sức khỏe tôm giống và hạn chế nguy cơ phát sinh dịch bệnh ngay từ giai đoạn đầu; giúp tôm thích nghi với môi trường trước khi bước vào giai đoạn nuôi thương phẩm.

Sau 100 ngày nuôi, tôm nuôi đạt kích cỡ bình quân 30-32 con/kg. Sản lượng dự kiến đạt trên 2,4 tấn. Trừ chi phí, lợi nhuận đạt trên 240 triệu đồng. Đây là kết quả đáng ghi nhận trong điều kiện nghề nuôi tôm hiện nay đang đối mặt với nhiều khó khăn về thời tiết, dịch bệnh và chi phí sản xuất.

Theo Trung tâm Khuyến nông Quảng Trị, mô hình nuôi tôm sú 2 giai đoạn khác với phương thức thả giống nuôi trực tiếp. Tôm giống ở giai đoạn đầu được ương với mật độ 800 - 1.200 con/m^2 trong ao hoặc bể có lưới che trước khi chuyển sang ao nuôi thương phẩm. Qua đó, giúp người nuôi theo dõi kỹ hơn sức khỏe tôm nuôi, chủ động quản lý môi trường và hạn chế những rủi ro thường xảy ra ngay từ đầu vụ. Sau khoảng 25-30 ngày ương nuôi, tôm đạt kích cỡ 1.500 - 2.500 con/kg thì chuyển sang ao nuôi thương phẩm. Nhờ tách thành từng giai đoạn, người nuôi có điều kiện kiểm soát mật độ, môi trường và quá trình phát triển của tôm kỹ hơn so với cách thả trực tiếp. Kết quả, tại các điểm thực hiện mô hình ở các xã Vĩnh Thủy và Quảng Ninh, sau 95-130 ngày nuôi, tôm đạt kích cỡ từ 30-32 con/kg, tỉ lệ sống trên 80%, sản lượng thu hoạch từ 2,3-3,1 tấn/0,5 ha. Trừ chi phí, lợi nhuận đạt từ 200-250 triệu đồng/0,5 ha.

Ông Hoàng Viết Thịnh, Phó Trưởng phòng Khoa học công nghệ và Chuyển đổi số, Sở Nông nghiệp và Môi trường Quảng Trị cho rằng: Mô hình nuôi tôm sú 2 giai đoạn gắn với chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm đã cho thấy hiệu quả rõ nét của ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất. Việc đưa giống tôm sú gia hóa Moana kết hợp cùng quy trình nuôi 2 giai đoạn đã tạo điều kiện nâng cao tỉ lệ sống, giảm rủi ro do biến động môi trường, dịch bệnh và nâng cao hiệu quả kinh tế. Kết quả bước đầu của các mô hình là cơ sở quan trọng để tiếp tục hoàn thiện quy trình kỹ thuật, mở rộng ứng dụng giống tôm sú gia hóa chất lượng cao và nhân rộng mô hình tại các vùng nuôi phù hợp. Đây được xem là hướng đi mới góp phần phát triển nghề nuôi tôm sú theo hướng an toàn, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu và nâng cao giá trị sản phẩm trong thời gian tới.

LAN ANH - VĂN LƯU
Trung tâm Khuyến nông Quảng Trị

KHÁNH HÒA: ĐƯA KỸ THUẬT CHĂN NUÔI CỪU SINH SẢN TỪ MÔ HÌNH RA SẢN XUẤT

Năm 2026, Dự án đang tích cực nhân rộng kiến thức và kinh nghiệm từ các hộ tham gia mô hình ra cộng đồng

Từ các điểm mô hình chăn nuôi cừu sinh sản thích ứng với biến đổi khí hậu, Trung tâm Khuyến nông Khánh Hòa đang đẩy mạnh chuyển giao kỹ thuật đến các hộ ngoài mô hình, từng bước đưa kết quả trình diễn vào sản xuất thực tế và tạo nền tảng nhân rộng ngành hàng dê, cừu.

Năm 2026, Trung tâm Khuyến nông tỉnh Khánh Hòa tiếp tục triển khai các nội dung của Dự án khuyến nông Trung ương "Xây dựng mô hình chăn nuôi cừu sinh sản thích ứng với biến đổi khí hậu vùng Duyên hải Nam Trung Bộ", được thực hiện trong giai đoạn 2024-2026. Dự án triển khai tại Khánh Hòa và Lâm Đồng, với tổng quy mô 231 con cừu giống lai Dorper tại 11 hộ dân; riêng Khánh Hòa có 126 con tại 6 hộ ở các xã Anh Dũng và Bác Ái.

Cùng với xây dựng và theo dõi các điểm mô hình, dự án chú trọng đào tạo, hướng dẫn kỹ thuật cho các hộ tham gia. Trung tâm đã tổ chức 4 lớp tập huấn trong mô hình với 40 lượt người, tập trung vào quy trình kỹ thuật chăn nuôi cừu sinh sản. Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật được bố trí tại các điểm trình diễn để theo dõi đàn cừu, hướng dẫn hộ dân ghi chép nhật ký, quản lý sức khỏe, sinh trưởng và các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật của mô hình. Từ nền tảng đó, tập huấn nhân rộng được xác định là một nội dung quan trọng trong năm 2026, nhằm đưa kiến thức và kinh nghiệm từ các hộ tham gia mô hình đến cộng đồng. Dự án xây dựng kế hoạch tổ chức 2 lớp tập huấn ngoài mô hình cho 60 người tại tỉnh Lâm Đồng, tỉnh Khánh Hòa. Nội dung tập huấn tập trung vào các kỹ thuật thiết yếu trong chăn nuôi

cừu sinh sản, từ đặc điểm sinh học, thức ăn, chăm sóc, nuôi dưỡng, chuồng trại, vệ sinh, phòng trị bệnh đến ghi chép số liệu sinh sản và tham quan thực tế tại các điểm triển khai. Với 1,5 ngày học lý thuyết và nửa ngày tham quan, thực hành, học viên không chỉ tiếp cận kiến thức kỹ thuật mà còn trực tiếp quan sát cách bố trí chuồng trại, chăm sóc cừu sinh sản, vệ sinh phòng bệnh và ghi chép theo dõi đàn tại mô hình ở xã Anh Dũng.

Cách tổ chức này giúp rút ngắn khoảng cách giữa "học kỹ thuật" và "áp dụng kỹ thuật". Những vấn đề người chăn nuôi thường gặp được trao đổi ngay tại hiện trường; các yêu cầu về chăm sóc, nuôi dưỡng và quản lý đàn được minh họa bằng chính điều kiện sản xuất thực tế. Qua đó, các hộ ngoài mô hình có thêm cơ sở để đánh giá khả năng áp dụng quy trình kỹ thuật vào điều kiện chăn nuôi của gia đình.

Kết quả lớp tập huấn cho thấy sự quan tâm và khả năng tiếp thu tốt của người học. Có 16/30 học viên đạt loại giỏi và 14 học viên đạt loại khá. Việc kết hợp giữa đào tạo và tham quan thực tế giúp kiến thức không chỉ được truyền đạt bằng lý thuyết mà được cụ thể hóa qua mô hình, tạo điều kiện để người dân tiếp tục học hỏi và áp dụng sau khi kết thúc lớp.

Bên cạnh tập huấn, dự án còn tổ chức tham quan, hội thảo đầu bờ, thông tin tuyên truyền và chuẩn bị các hoạt động tổng kết, đánh giá mô hình. Ngày 30/9/2026, dự án đã tổ chức Hội nghị "Giải pháp nâng cao hiệu quả trong chăn nuôi dê, cừu trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa". Công tác tuyên truyền đã tổ chức lắp đặt 11 pano giới thiệu mô hình và in, phát hành 1.000 tờ gấp về các tiến bộ kỹ thuật của mô hình.

Theo đánh giá của Trung tâm Khuyến nông tỉnh Khánh Hòa, dự án phù hợp với định hướng phát triển đàn cừu của địa phương và nhận được sự đồng thuận, tham gia tích cực của người dân. Kết quả bước đầu cũng cho thấy khả năng nhân rộng cao, nhất là trong việc giúp người dân tiếp cận giống cừu sinh sản, chủ động nguồn thức ăn xanh, thức ăn thô và tăng cường kết nối giữa cơ quan quản lý, doanh nghiệp với nông dân để hình thành vùng nguyên liệu.

Với Khánh Hòa, việc mở rộng số hộ được tiếp cận và áp dụng quy trình kỹ thuật có ý nghĩa trong quá trình phát triển ngành hàng dê, cừu. Khi kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng, phòng bệnh và quản lý đàn được chuẩn hóa hơn ở cấp hộ, chất lượng đàn và hiệu quả chăn nuôi có thêm cơ sở để nâng lên, đồng thời tạo điều kiện hình thành các vùng sản xuất có tính liên kết.

Trong định hướng phát triển sản phẩm dê, cừu thành sản phẩm Halal đến năm 2030, yêu cầu nâng cao chất lượng từ khâu chăn nuôi càng đặt ra rõ hơn. Việc chuyển giao kỹ thuật từ mô hình ra cộng đồng vì thế không chỉ mang ý nghĩa trước mắt đối với từng hộ chăn nuôi, mà còn góp phần chuẩn bị nền tảng về kỹ thuật, tổ chức sản xuất và vùng nguyên liệu cho ngành hàng trong những năm tới.

Từ một điểm trình diễn, nếu kỹ thuật được người dân tiếp nhận, áp dụng và tiếp tục chia sẻ, mô hình sẽ tạo ra giá trị lớn hơn nhiều so với phạm vi ban đầu. Đây chính là ý nghĩa của hoạt động nhân rộng trong năm 2026: đưa những kinh nghiệm đã được kiểm chứng tại mô hình đến gần hơn với người chăn nuôi, từng bước biến kết quả của dự án thành năng lực sản xuất của cộng đồng.

VŨ THỊ THU THẢO
Trung tâm Khuyến nông Khánh Hòa

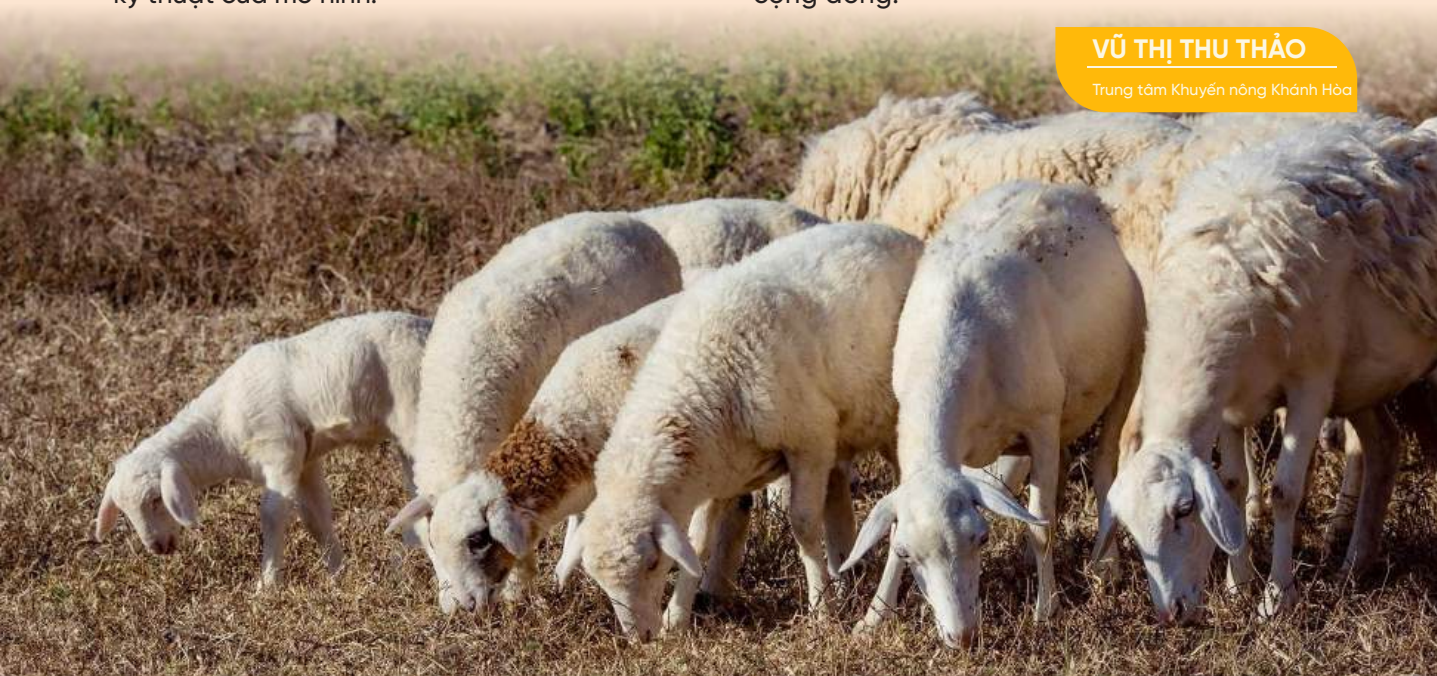

TỪ MÔ HÌNH GIẢM PHÁT THẢI ĐẾN VÙNG LÚA XANH HIỆU QUẢ, BỀN VỮNG

Ngày 22/9/2026, tại tỉnh Nghệ An, Trung tâm Khuyến nông quốc gia phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Nghệ An tổ chức Diễn đàn Khuyến nông @ Nông nghiệp với chủ đề "Giải pháp nhân rộng mô hình canh tác lúa phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh".

Gần 200 đại biểu là đại diện cơ quan quản lý, đơn vị nghiên cứu, hệ thống khuyến nông, hợp tác xã (HTX), doanh nghiệp và chuyên gia trong lĩnh vực lúa gạo tham dự. Ông Lê Quốc Thanh, Giám đốc Trung tâm Khuyến nông quốc gia và bà Võ Thị Nhung, Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Nghệ An đồng chủ trì Diễn đàn.

Theo Đề án "Sản xuất giảm phát thải lĩnh vực trồng trọt giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến 2050", mục tiêu đến năm 2035 góp phần giảm ít nhất 15% tổng lượng phát thải khí nhà kính (CO_2tđ) so với năm cơ sở 2020; xây dựng và phát triển nhãn hiệu "Phát thải thấp" cho các sản phẩm trồng trọt; mỗi tỉnh triển khai ít nhất 1 - 2 mô hình sản xuất giảm phát thải có khả năng nhân rộng và thí điểm ít nhất 15 mô hình canh tác có khả năng phát triển tín chỉ các-bon đáp ứng yêu cầu của các tổ chức quốc tế.

Phát biểu tại Diễn đàn, ông Lê Quốc Thanh nhấn mạnh, áp dụng quy trình canh tác giảm phát thải không chỉ nhằm bảo vệ môi trường mà còn có thể giúp giảm chi phí đầu vào, sử dụng hiệu quả tài nguyên và nâng cao năng suất nếu thực hiện đúng quy trình. Sản xuất lúa theo hướng này cũng thể hiện trách nhiệm của người sản xuất đối với môi trường và cộng đồng. Khi các giá trị được chuẩn hóa, ghi nhận và chứng nhận, sản phẩm lúa gạo sẽ có thêm cơ sở nâng cao niềm tin thị trường, giá trị và khả năng thương mại hóa.

Các đại biểu trao đổi, chia sẻ tại Diễn đàn

Nghệ An mở rộng nhanh diện tích áp dụng AWD

Theo Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Bắc Trung Bộ, Nghệ An là một trong những địa phương có tốc độ mở rộng nhanh các giải pháp canh tác lúa phát thải thấp tại khu vực Bắc Trung Bộ, với khoảng 108.281 ha, chiếm 67,99% tổng diện tích.

Riêng diện tích áp dụng kỹ thuật tưới ướt - khô xen kẽ (AWD) của tỉnh năm 2025 đạt trên 18.000 ha vụ xuân và gần 16.700 ha vụ hè thu. Năm 2026, diện tích tăng lên trên 26.300 ha vụ xuân và trên 30.500 ha vụ hè thu. Việc mở rộng áp dụng AWD đi cùng bố trí ống theo dõi mực nước, hướng dẫn điều tiết nước và tăng cường sự tham gia của cán bộ khuyến nông, HTX và người dân.

Kết quả này cho thấy AWD đã từng bước chuyển từ quy mô thí điểm sang áp dụng trên diện rộng. Tuy nhiên, để duy trì và nhân rộng bền vững, việc mở rộng diện tích cần đồng bộ với điều kiện thủy lợi, tổ chức sản xuất, năng lực HTX, cơ giới hóa, quản lý phụ phẩm và liên kết tiêu thụ.

Nhân rộng theo vùng, không chỉ theo kỹ thuật

Một nội dung được nhấn mạnh tại Diễn đàn là không nên nhân rộng riêng lẻ từng kỹ thuật mà cần triển khai theo vùng sản xuất và theo gói kỹ thuật phù hợp.

Gói kỹ thuật cần tập trung vào các nội dung cốt lõi như sử dụng giống, mật độ hợp lý; quản lý nước; sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật hiệu quả; cơ giới hóa; quản lý rơm rạ; ghi chép dữ liệu và tổ chức liên kết sản xuất. Hiệu quả mô hình cần được đánh giá đồng thời qua các chỉ tiêu về vật tư đầu vào, năng suất, chi phí, lợi nhuận, nước tưới và quản lý phụ phẩm.

Trong đó, HTX và doanh nghiệp là những mắt xích quan trọng. HTX có thể tập hợp nông dân, thống nhất kế hoạch sản xuất, cung cấp dịch vụ cơ giới hóa, quản lý nước, tổ chức thu gom rơm rạ, quản lý dữ liệu và kết nối doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm.

Vì vậy, cần rà soát, lựa chọn những HTX có số lượng thành viên, diện tích sản xuất, năng lực quản trị, hoạt động dịch vụ và khả năng liên kết thị trường phù hợp để làm nòng cốt tổ chức và nhân rộng mô hình lúa phát thải thấp.

Khuyến nông đồng hành từ đồng ruộng đến thị trường

Từ thực tiễn triển khai, Diễn đàn đặt ra yêu cầu tiếp tục đổi mới phương thức khuyến nông, chuyển từ "tập huấn - xây dựng mô hình" sang "hướng dẫn - thực hành - theo dõi - đánh giá - nhân rộng".

Cán bộ khuyến nông địa phương cần trực tiếp đồng hành cùng người dân trong những khâu quyết định như quản lý nước, dinh dưỡng, dịch hại; đồng thời hỗ trợ HTX và nông dân ghi chép dữ liệu về diện tích, giống, vật tư, nước tưới, năng suất, sản lượng và phụ phẩm.

Đây cũng là cơ sở để hệ thống khuyến nông phát huy vai trò cầu nối giữa tiến bộ kỹ thuật, người sản xuất, HTX, doanh nghiệp và thị trường, góp phần đưa mô hình từ điểm trình diễn trở thành phương thức sản xuất có khả năng áp dụng thường xuyên trên quy mô lớn.

Hướng tới sản xuất lúa xanh, hiệu quả và bền vững

Các ý kiến tại Diễn đàn cho rằng, nhân rộng canh tác lúa phát thải thấp cần gắn với tổ chức sản xuất theo vùng, HTX, doanh nghiệp và thị trường; đồng thời huy động đồng bộ các nguồn lực về thủy lợi, cơ giới hóa, khoa học công nghệ, tín dụng, chuyển đổi số và quản lý dữ liệu.

Trong đó, quản lý nước là một trong những khâu trọng tâm; quản lý rơm rạ cần chuyển theo hướng tuần hoàn, tạo thêm giá trị; cơ giới hóa phát triển gắn với các tổ dịch vụ; HTX từng bước trở thành đầu mối tổ chức sản xuất và kết nối chuỗi giá trị.

Trong khuôn khổ Diễn đàn, các đại biểu tham quan mô hình liên kết sản xuất lúa áp dụng quy trình kỹ thuật góp phần giảm phát thải, giảm chi phí đầu vào và nâng cao hiệu quả sản xuất của Công ty TNHH KHCN Vĩnh Hòa, xã Đông Thành, tỉnh Nghệ An.

Từ thực tiễn tỉnh Nghệ An và các địa phương Bắc Trung Bộ, việc nhân rộng sản xuất lúa phát thải thấp được kỳ vọng góp phần giảm chi phí đầu vào, sử dụng hiệu quả tài nguyên, nâng cao thu nhập cho người trồng lúa, giảm phát thải khí nhà kính và thúc đẩy nền nông nghiệp xanh, hiệu quả, bền vững.

NGUYỄN SÂM
Trung tâm Khuyến nông quốc gia

"Tấm vé thông hành" VÀ CAM KẾT CHẤT LƯỢNG NÔNG SẢN BỀN VỮNG

Trong tiến trình hội nhập sâu rộng, mã số vùng trồng (MSVT) và mã số cơ sở đóng gói (MSCSĐG) không còn là thủ tục hành chính thuần túy hay một "tấm vé thông hành" dùng một lần, mà chính là thước đo định danh mức độ uy tín, tính minh bạch và sức cạnh tranh của nông sản Việt trên thị trường toàn cầu. Đó cũng là lý do Trung tâm Khuyến nông quốc gia lựa chọn chủ đề: "Quản lý, duy trì mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói - Giải pháp nâng cao chất lượng và mở rộng thị trường xuất khẩu nông sản" cho Tọa đàm được tổ chức tại tỉnh Lâm Đồng vào ngày 1/10/2026 với sự phối hợp của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lâm Đồng.

Nghị định số 38/2026/NĐ-CP và Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP đã tạo khuôn khổ mới theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính, tăng tính chủ động của địa phương và tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân. Sự thay đổi này đánh dấu một chuyển dịch căn bản trong tư duy quản trị nhà nước: chuyển từ "kiểm soát trước khi cấp" (tiền kiểm) sang "cấp nhanh và tăng cường hậu kiểm". Cơ chế mới giúp giảm tối đa chi phí tuân thủ, giải phóng nguồn lực cho người dân và doanh nghiệp. Tuy nhiên, "cánh cửa mở rộng hơn" cũng đồng nghĩa với việc gia tăng áp lực quản trị và duy trì điều kiện sau cấp mã lên mỗi chủ thể trong chuỗi sản xuất.

Lâm Đồng là một trong những địa phương có diện tích cây ăn quả xuất khẩu lớn của cả nước, với các sản phẩm chủ lực như sầu riêng, thanh long, cùng xoài, chanh dây, bưởi, dừa, mít... Đến giữa tháng 9/2026, Lâm Đồng có 1.611 MSVT với tổng diện tích 54.298 ha; trong đó 1.094 MSVT phục vụ xuất khẩu đã được nước nhập khẩu phê duyệt với diện tích 48.016,96 ha. Ngoài ra, có 216 hồ sơ với diện tích khoảng 3.444 ha đã được gửi đề nghị phê duyệt. Về MSCSĐG, toàn tỉnh hiện có 547 mã với tổng diện tích 892.846 m^2. Riêng đối với ngành hàng chủ lực là sầu riêng, Lâm Đồng đã có 441 MSVT xuất khẩu với 16.181 ha và 137 MSCSĐG.

Thế nhưng, sau những con số tăng trưởng ấn tượng là một "nỗi niềm" đầy trăn trở: 173 MSVT (3.627 ha) và 61 CSĐG (137.489 m^2) trên địa bàn tỉnh đang rơi vào tình trạng bị tạm ngưng hoặc thu hồi. Riêng cây sầu riêng chiếm tới 99,7% diện tích MSVT bị thu hồi (3.617 ha với 82 mã).

Căn nguyên của thực trạng này xuất phát từ việc nhiều hộ dân coi việc được cấp mã số là đích đến cuối cùng mà buông lỏng việc duy trì tiêu chuẩn kỹ thuật sau khi đã có mã; Nhật ký canh tác thiếu tính liên tục, không gắn với từng lô thửa thực tế, còn tình trạng lạm dụng

thuốc bảo vệ thực vật và vi phạm thời gian cách ly; Liên kết chuỗi thiếu bền vững, chủ mã dừng liên kết dẫn đến mất mã của cả vùng, ảnh hưởng đến các hộ còn đủ điều kiện;...

Từ thực tiễn tại Lâm Đồng, Tọa đàm đã đúc kết và phát đi thông điệp mạnh mẽ về sự cần thiết phải thay đổi tư duy toàn diện thông qua 4 trụ cột chính:

Thứ nhất, chuyển trọng tâm từ "được cấp mã số" sang "duy trì được mã số". Cấp mã số chỉ là điểm khởi đầu; giá trị thực sự nằm ở năng lực duy trì sự tuân thủ quy trình kỹ thuật trong suốt quá trình canh tác, thu hoạch và tiêu thụ.

Thứ hai, xác định cơ sở đóng gói là "trạm kiểm soát chất lượng cuối cùng". Không thể xem CSĐG chỉ là nơi tập kết hay dán tem hàng hóa. CSĐG phải thiết lập cơ chế đồng kiểm soát với vùng nguyên liệu, kiên quyết từ chối những lô hàng không rõ nguồn gốc hoặc vi phạm tiêu chuẩn.

Thứ ba, gắn mã số với "chuỗi dữ liệu thực", kiên quyết nói không với "số hóa hình thức". Truy xuất nguồn gốc phải đảm bảo nguyên tắc "một bước trước, một bước sau" và truy xuất ngược đến vùng nguyên liệu, kết nối liền mạch từ nhật ký hộ canh tác, mã lô thu hoạch đến khâu vận chuyển và xuất khẩu.

Thứ tư, nâng cấp vai trò của Hợp tác xã làm "chủ mã tập thể". Việc khuyến khích HTX hoặc Tổ hợp tác đứng tên làm chủ mã số thay cho cá nhân hay hộ lẻ là giải pháp căn cơ nhằm tăng tính ổn định, hạn chế rủi ro mất mã của cả vùng khi có sự biến động của một vài thành viên, diện tích.

Để đưa các quy định pháp lý vào thực tiễn, hệ thống khuyến nông phải tiếp tục đổi mới cách làm theo hướng: từ phổ biến sang hướng dẫn thực hành; từ hỗ trợ hồ sơ sang đồng hành duy trì; từ tập huấn một lần sang hỗ trợ theo vụ; từ từng hộ riêng lẻ sang tổ chức vùng nguyên liệu; từ dữ liệu rời rạc sang dữ liệu liên kết theo lô; và từ hoạt động đơn ngành sang phối hợp chặt chẽ giữa quản lý nhà nước, khuyến nông, doanh nghiệp, hợp tác xã và người sản xuất.

Khuyến nông phải làm nhiệm vụ "dịch" quy định phức tạp thành quy trình dễ hiểu, dễ làm và dễ kiểm tra với các bảng kiểm, biểu mẫu trực quan.

Thay vì chỉ hỗ trợ hoàn thiện hồ sơ tại một thời điểm, khuyến nông phải đồng hành với chủ thể theo quá trình sản xuất. Hướng dẫn phải được thực hiện ngay từ đầu vụ, kiểm tra trong vụ, rà soát trước thu hoạch và đánh giá sau vụ. Cách tiếp cận này giúp phòng ngừa sai sót, giảm chi phí khắc phục và tạo nền nếp duy trì mã số bền vững.

Khuyến nông cần hướng dẫn người sản xuất và hợp tác xã hình thành thói quen quản lý dữ liệu ngay trong quá trình sản xuất; đồng thời hỗ trợ sử dụng công cụ số phù hợp với năng lực của từng nhóm đối tượng.

Khuyến nông cần hỗ trợ kết nối các chủ thể, thống nhất yêu cầu kỹ thuật, cách ghi chép và kiểm tra nội bộ; qua đó góp phần hình thành vùng nguyên liệu ổn định, minh bạch, có khả năng đáp ứng yêu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

Thủ tục hành chính giản đơn đã tạo cơ hội thuận lợi nhưng cơ hội đó chỉ biến thành giá trị kinh tế bền vững khi người nông dân nâng cao ý thức tự giác, doanh nghiệp tôn trọng cam kết liên kết và các cơ quan quản lý thực hiện giám sát hậu kiểm dựa trên quản trị rủi ro. Đã đến lúc chúng ta nhìn nhận quản lý MSVT và MSCSĐG không phải là chi phí tuân thủ bị động, mà chính là khoản đầu tư chiến lược cho uy tín, thương hiệu và tương lai bền vững của nông sản Việt Nam.

BBT

BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÃ NTM GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Theo Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ)

XÃ NÔNG THÔN MỚI 2026–2030

1 QUY HOẠCH

- Quy hoạch chung xây dựng xã
- Quy hoạch chi tiết trung tâm xã / khu chức năng
- Quy chế quản lý kiến trúc

2 HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI

- Giao thông nông thôn
- Thủy lợi, cấp nước sản xuất
- Phòng chống thiên tai "4 tại chỗ"
- Điện an toàn, tin cậy
- Hạ tầng thương mại nông thôn
- Thông tin, internet

3 PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG THÔN

- Thu nhập và tổ chức sản xuất
- Vùng nguyên liệu tập trung
- Nông nghiệp công nghệ cao
- Chương trình OCOP
- Du lịch nông thôn
- Hợp tác xã hiệu quả
- Khuyến nông cộng đồng
- Hộ sản xuất, kinh doanh giỏi
- Phát triển kinh tế tư nhân
- Khu công nghiệp làng nghề

4 ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN

- Lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ
- Người trong độ tuổi học các trình độ sau THPT

5 VĂN HÓA - GIÁO DỤC - Y TẾ

- Phát triển văn hóa
- Phát triển giáo dục
- Đạt tiêu chí quốc gia về y tế
- Trạm y tế theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập

6 GIẢM NGHÈO VÀ AN SINH XÃ HỘI

- Tỷ lệ nghèo đa chiều
- Nhà ở kiên cố
- Nước sạch theo quy chuẩn
- Số hộ "5 không - 3 sạch - 3 an"
- Bình đẳng giới, phòng ngừa bạo lực
- Bảo vệ trẻ em
- An toàn thực phẩm

7 KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

- Điểm phục vụ công cộng, chính quyền số
- Số hóa dữ liệu
- Thương mại điện tử
- Mô hình thôn thông minh

8 MÔI TRƯỜNG VÀ CẢNH QUAN NÔNG THÔN

- Thu gom, xử lý chất thải rắn
- Xử lý chất thải chăn nuôi, phụ phẩm nông nghiệp
- Cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ
- Mai táng, hỏa táng, xử lý nước thải sinh hoạt
- Cảnh quan xanh - sạch - đẹp - an toàn

9 XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VÀ HÀNH CHÍNH CÔNG

- Tổ chức đảng, chính quyền, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội
- Cải cách hành chính, dịch vụ công trực tuyến

10 TIẾP CẬN PHÁP LUẬT, QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

- Xã chuẩn tiếp cận pháp luật
- Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc
- Camera, giám sát an ninh trật tự
- Lực lượng dân quân vững mạnh, hoàn thành chỉ tiêu quốc phòng

4 TRỤ CỘT CHÍNH

- Nền tảng phát triển
- Kinh tế và sinh kế nông thôn
- Đời sống, văn hóa, an sinh
- Quản trị, môi trường, an ninh

Trồng lúa hữu cơ liên kết tiêu thụ
LỢI ÍCH KÉP CHO NHÀ NÔNG GIA LAI

Vụ hè thu 2026, Trung tâm Khuyến nông Gia Lai phối hợp với Hợp tác xã nông nghiệp Ân Tín tại thôn Ân Tín, xã Vạn Đức triển khai mô hình sản xuất lúa chất lượng đạt tiêu chuẩn hữu cơ gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm với diện tích 3 ha.

Tham gia mô hình, các hộ dân được hỗ trợ 50% kinh phí giống, vôi, phân hữu cơ, thuốc phòng trừ sâu bệnh sinh học; được hướng dẫn kỹ thuật thâm canh lúa theo tiêu chuẩn hữu cơ và các biện pháp phòng trừ dịch hại tổng hợp (IPM) trong suốt vụ sản xuất.

Mô hình sử dụng giống lúa DV108, với lượng giống gieo sạ chỉ khoảng 4 kg/sào. Việc gieo sạ thưa giúp cây lúa có không gian sinh trưởng, hạn chế môi trường thuận lợi cho sâu bệnh phát sinh. Cùng với đó, mô hình sử dụng phân hữu cơ, không sử dụng thuốc trừ sâu hóa học, chú trọng các biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp và phát huy vai trò của thiên địch trên đồng ruộng.

Qua theo dõi, ruộng mô hình có mật độ thiên địch cao hơn ruộng đối chứng. Nhiều loại thiên địch như nhện bắt mồi, chuồn chuồn, bọ xít nước, bọ ba khoan và ong ký sinh xuất hiện trên đồng ruộng, góp phần khống chế sâu hại. Nhờ đó, trong cả vụ sản xuất, ruộng mô hình không phải sử dụng thuốc trừ sâu; một số đối tượng gây hại như bọ trĩ, sâu đục thân và bệnh lem lép hạt chỉ xuất hiện ở mức nhẹ.

Ông Phạm Minh Chi, hộ tham gia mô hình, chia sẻ: Nhờ được tập huấn kỹ thuật và được hợp tác xã cam kết bao tiêu sản phẩm, ông yên tâm sản xuất theo quy trình hữu cơ. Dù yêu cầu nghiêm ngặt hơn so với canh tác truyền thống nhưng hiệu quả mang lại khá rõ. Thời gian tới, gia đình ông sẽ tiếp tục duy trì sản xuất lúa hữu cơ để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường.

Kết quả đánh giá cho thấy năng suất của mô hình đạt 62 tạ/ha. Nhờ được liên kết tiêu thụ với giá 9.000 đồng/kg, cao hơn 2.200 đồng/kg so với sản phẩm đối chứng, mô hình đạt tổng thu 55,8 triệu đồng/ha. Sau khi trừ chi phí, lợi nhuận đạt 8,18 triệu đồng/ha, cao hơn 1,638 triệu đồng/ha, tương đương khoảng 25% so với ruộng đối chứng.

Sản xuất lúa hữu cơ đặt ra không ít yêu cầu đối với nông dân nhưng cũng mang lại những lợi ích lâu dài đối với đất canh tác và môi trường. Giảm lượng giống gieo sạ, sử dụng phân hữu cơ, hạn chế hóa chất bảo vệ thực vật và quản lý nước hợp lý góp phần cải thiện đất, giảm nguy cơ ô nhiễm nguồn nước và hạn chế tác động đến sức khỏe người sản xuất, người tiêu dùng.

Từ kết quả triển khai, mô hình cho thấy hướng đi phù hợp trong nâng cao giá trị sản phẩm lúa thông qua thay đổi phương thức sản xuất gắn với thị trường. Đây cũng là cơ sở để từng bước hình thành những vùng sản xuất lúa chất lượng, an toàn, thân thiện với môi trường./.

THÀNH NGUYÊN
Trung tâm Khuyến nông Gia Lai

Chàng trai dân tộc Dao
LÀM GIÀU TỪ VƯỜN NHO SỮA XỨ MƯỜNG

Trên vùng đất đồi núi xứ Mường, xã Thu Cúc, tỉnh Phú Thọ, anh Lý Kim Lợi, chàng trai dân tộc Dao, đã mạnh dạn đưa giống nho sữa (nho mẫu đơn) về trồng, mở ra hướng phát triển kinh tế mới tại địa phương. Từ việc tìm tòi, học hỏi kỹ thuật đến xây dựng vườn nho kết hợp đón khách tham quan, trải nghiệm, anh từng bước tạo dựng mô hình sản xuất mang lại thu nhập và góp phần quảng bá hình ảnh quê hương.

Anh Lợi chăm sóc vườn nho sữa của gia đình

Khu vườn nho của gia đình anh Lợi nằm tại thôn Tân Hòa, cách quốc lộ khoảng 500 m. Qua câu chuyện của người chủ vườn trẻ tuổi, hành trình bén duyên với giống nho mới hiện lên như một quá trình chủ động tìm tòi, kiên trì học hỏi và mạnh dạn thử sức với hướng sản xuất khác biệt.

Năm 2019, qua internet, anh Lợi biết đến giống nho mẫu đơn được giới thiệu bởi Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và Chuyển giao công nghệ, Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang. Nhận thấy giống nho có tiềm năng, trong khi tại quê nhà chưa có người trồng, anh chủ động liên hệ với đơn vị để tìm hiểu kỹ hơn về đặc tính giống, kỹ thuật canh tác và cách xây dựng mô hình.

Mong muốn học hỏi của anh được đơn vị chuyên môn tạo điều kiện. Anh nhiều lần tham gia các buổi tập huấn, tiếp cận kiến thức về kỹ thuật trồng và chăm sóc nho. Sau thời gian chuẩn bị, anh quyết định cùng gia đình thuê 4.500 m^2 đất tại cánh đồng trước nhà để xây dựng vườn trồng. Khu đất có điều kiện thổ nhưỡng thuận lợi, nguồn nước tưới bảo đảm, lại gần quốc lộ nên thuận tiện cho việc vận chuyển và tiêu thụ sản phẩm.

Nhờ kiên trì áp dụng kiến thức đã học, vườn nho dần thích nghi với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng địa phương. Đến cuối năm 2020, những chùm nho đầu tiên bắt đầu cho thu hoạch, đánh dấu thành công bước đầu của hướng đi mới trên vùng đất vốn có địa hình đồi núi, không thật sự thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp.

Chia sẻ về kinh nghiệm canh tác, anh Lợi cho biết nho sữa cần được trồng dưới mái che ni-lon, bố trí thành luống thẳng và duy trì độ ẩm phù hợp. Người trồng phải chú trọng chế độ bón phân, cắt tỉa cành và theo dõi diễn biến thời tiết để lựa chọn thời điểm cắt cành thích hợp, bảo đảm cây

Với những nỗ lực của bản thân, anh Lợi đã nhiều lần được các cấp chính quyền vinh danh, khen thưởng

sinh trưởng tốt và ra quả đúng vụ. Vườn nho của gia đình anh sử dụng phân trùn quế, hướng đến phương thức canh tác hữu cơ nhằm chăm sóc cây trồng và nâng cao chất lượng sản phẩm.

Sau nhiều năm chăm sóc, tích lũy kinh nghiệm, đến nay anh Lợi đã phát triển vườn nho với 450 gốc. Cây sinh trưởng ổn định, cho thu hoạch một vụ mỗi năm. Từ giữa tháng 7 đến giữa tháng 8 là thời điểm vườn nho bước vào chính vụ, với sản lượng khoảng 4 tấn quả mỗi năm.

Nho sữa tại vườn hiện được bán với giá khoảng 200.000 đồng/kg. Sản phẩm có chùm lớn, quả đồng đều, vỏ xanh bóng, khi ăn có vị ngọt và hương thơm đặc trưng. Nhờ chất lượng được khách hàng đón nhận, việc tiêu thụ tương đối thuận lợi. Khoảng 50 - 60% sản lượng được bán trực tiếp tại vườn; phần còn lại được anh giới thiệu, quảng bá qua trang fanpage cá nhân, qua đó duy trì lượng khách hàng khá ổn định.

Không dừng lại ở sản xuất và bán nho, anh Lợi còn tận dụng lợi thế vị trí, cảnh quan vườn cây để phát triển hoạt động tham quan, trải nghiệm. Ngay từ vụ thu hoạch đầu tiên vào cuối năm 2020, anh đã mở cửa vườn đón khách đến tham quan, chụp ảnh, tìm hiểu quy trình trồng nho và mua sản phẩm tại chỗ.

Cách làm này phù hợp với xu hướng kết hợp sản xuất nông nghiệp với du lịch trải nghiệm, nhất là khi Thu Cúc nằm trong khu vực có tiềm năng thu hút du khách đến khám phá các điểm đến như đồi chè Long Cốc, Vườn quốc gia Xuân Sơn và không gian văn hóa xứ Mường. Vào mùa nho chín, anh tích cực quảng bá trên fanpage để thu hút khách. Trong khoảng 25 ngày chính vụ, lượng khách đến vườn tăng cao; những ngày cuối tuần, gia đình anh đón trên 200 lượt khách mỗi ngày.

Đến tham quan, du khách có thể tự tay lựa chọn những chùm nho ưng ý, chụp ảnh và nghe chủ vườn giới thiệu về quá trình trồng, chăm sóc. Nho sau khi lựa chọn được vợ chồng anh đóng gói cẩn thận bằng thùng hoặc túi có nhãn sản phẩm để khách thuận tiện mang về. Gia đình còn phục vụ nước uống, tạo không gian nghỉ chân cho khách ngay tại vườn.

Du khách đến tham quan có thể tự tay lựa chọn những chùm nho ưng ý

Nhờ vậy, vườn nho không chỉ là nơi sản xuất nông nghiệp mà còn trở thành điểm trải nghiệm gắn với sản phẩm đặc trưng của địa phương. Hoạt động này tạo thêm cơ hội tiếp cận khách hàng, thúc đẩy tiêu thụ nông sản trực tiếp và gia tăng giá trị từ diện tích canh tác. Đây cũng là hướng đi đáng chú ý đối với các hộ nông dân có điều kiện về cảnh quan, vị trí và khả năng tổ chức dịch vụ trải nghiệm.

Những nỗ lực của anh Lợi đã được địa phương ghi nhận. Trong 5 năm gần đây, anh có 7 lần được các cấp khen thưởng, gồm 3 lần cấp xã, 1 lần cấp huyện trước đây và 3 lần cấp tỉnh. Đặc biệt, năm 2025, anh được tỉnh Phú Thọ vinh danh là điển hình tiên tiến giai đoạn 2020 - 2025.

Mô hình của anh Lợi không chỉ mang ý nghĩa đối với kinh tế gia đình mà còn gợi mở cách tiếp cận trong phát triển nông nghiệp tại địa phương: lựa chọn cây trồng phù hợp, nâng cao chất lượng sản phẩm, chủ động kết nối thị trường và khai thác tiềm năng du lịch trải nghiệm. Sự mạnh dạn, sáng tạo của chàng trai dân tộc Dao là một minh chứng cho tinh thần dám nghĩ, dám làm của người nông dân trẻ, góp phần lan tỏa động lực khởi nghiệp và phát triển kinh tế trên vùng đất xứ Mường./.

NGUYỄN THẾ LƯỢNG
Hạ Hòa, Phú Thọ

NUÔI GÀ RI LAI VIETGAHP TĂNG HIỆU QUẢ, ỔN ĐỊNH ĐẦU RA

Với tỷ lệ nuôi sống đạt 98%, khối lượng bình quân 2,5 kg/con và lợi nhuận hơn 341 triệu đồng/10.000 con, mô hình chăn nuôi gà Ri lai thương phẩm theo quy trình VietGAHP do Trung tâm Khuyến nông Bắc Ninh triển khai năm 2026 cho thấy hiệu quả rõ nét so với phương thức chăn nuôi ngoài mô hình. Đặc biệt, việc kết nối tiêu thụ giúp người chăn nuôi bán sản phẩm với giá cao hơn thị trường khoảng 5.000 đồng/kg, góp phần nâng cao thu nhập và giảm bớt rủi ro về đầu ra.

Mô hình được triển khai tại phường Hiệp Hòa và xã Yên Thế, quy mô 10.000 con, có 3 hộ tham gia. Trong quá trình thực hiện, các hộ được cán bộ kỹ thuật hướng dẫn, tập huấn và theo dõi thường xuyên, từ khâu chuẩn bị chuồng trại, vệ sinh thú y, chăm sóc, nuôi dưỡng đến phòng, chống dịch bệnh theo quy trình VietGAHP.

Nhờ tuân thủ hướng dẫn kỹ thuật, đàn gà sinh trưởng, phát triển tốt, tỷ lệ nuôi sống đạt 98%, khối lượng bình quân 2,5 kg/con, tiêu tốn thức ăn 2,3 kg/kg tăng khối lượng. Đây là những chỉ tiêu cho thấy đàn gà thích nghi tương đối tốt với điều kiện nuôi, đồng thời phản ánh hiệu quả của việc áp dụng đồng bộ các biện pháp chăm sóc, nuôi dưỡng và kiểm soát dịch bệnh.

Theo kết quả tính toán, với 9.800 con gà cuối kỳ, khối lượng bình quân 2,5 kg/con và giá bán khoảng 65.000 đồng/kg, tổng thu của mô hình đạt gần 1,6 tỷ đồng, chi phí đầu tư khoảng 1,25 tỷ đồng. Sau khi trừ chi phí, lợi nhuận đạt hơn 341 triệu đồng/10.000 con, cao hơn khoảng 135,4 triệu đồng so với chăn nuôi ngoài mô hình. Kết quả này cho thấy việc lựa chọn con giống phù hợp, áp dụng đúng quy trình kỹ thuật và kiểm soát tốt chi phí có vai trò quan trọng trong nâng cao hiệu quả chăn nuôi.

Không chỉ mang lại hiệu quả kinh tế, mô hình còn góp phần thay đổi phương thức sản xuất theo hướng an toàn và có kiểm soát. Các khâu vệ sinh, khử trùng chuồng trại, tiêm phòng và phòng, chống dịch bệnh được thực hiện theo quy định, giúp hạn chế nguy cơ phát sinh dịch bệnh, giảm thiểu tổn thất và nâng cao chất lượng đàn gà. Việc áp dụng VietGAHP cũng tạo điều kiện để người chăn nuôi từng bước chuyển từ sản xuất nhỏ lẻ, dựa nhiều vào kinh nghiệm sang chăn nuôi có quy trình, chú trọng an toàn sinh học và vệ sinh môi trường.

Ông Lê Văn Hưng, ở tổ dân phố Danh Thượng, phường Hiệp Hòa, một trong những hộ tham gia

Các đại biểu tham quan mô hình

mô hình, chia sẻ: "Khi được nhận gà giống hỗ trợ từ mô hình, tôi rất yên tâm vì con giống đồng đều, khỏe mạnh, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và được tiêm phòng vắc - xin đầy đủ theo quy định. Trong quá trình nuôi, cán bộ khuyến nông thường xuyên hướng dẫn cụ thể, kịp thời về kỹ thuật chăn nuôi và phòng bệnh theo quy trình VietGAHP nên đàn gà sinh trưởng tốt, không xảy ra dịch bệnh, phát triển đồng đều".

Bên cạnh hiệu quả kỹ thuật, liên kết tiêu thụ sản phẩm là một điểm đáng chú ý của mô hình. Ông Phạm Xuân Tùng, ở thôn Tam Hiệp, xã Yên Thế, cho biết gia đình tham gia mô hình với quy mô 2.000 con gà Ri lai. Đến nay, đàn gà đã gần 4 tháng tuổi và được Trung tâm Khuyến nông Bắc Ninh giới thiệu đơn vị bao tiêu sản phẩm với giá cao hơn thị trường khoảng 5.000 đồng/kg.

Theo ông Tùng, việc được kết nối với đơn vị tiêu thụ giúp gia đình chủ động hơn trong kế hoạch sản xuất, giảm bớt nỗi lo đầu ra khi đàn gà đến kỳ xuất bán. Đây cũng là động lực để người chăn nuôi yên tâm đầu tư, tuân thủ quy trình kỹ thuật và nâng cao chất lượng sản phẩm. Thực tế cho thấy, nếu chỉ chú trọng năng suất mà chưa quan tâm đúng mức đến thị trường, hiệu quả sản xuất vẫn có thể bị ảnh hưởng bởi biến động giá cả và khả năng tiêu thụ. Vì vậy, kết nối sản xuất với thị trường là hướng đi cần được quan tâm khi phát triển các mô hình chăn nuôi hàng hóa.

Đánh giá về mô hình, ông Hoàng Tiến Hùng, Phó Chủ tịch UBND xã Hiệp Hòa, cho biết mô hình chăn nuôi gà Ri lai thương phẩm theo quy trình VietGAHP do Trung tâm Khuyến nông Bắc Ninh triển khai cơ bản phù hợp với nhu cầu sản xuất của người dân địa phương. Giống gà Ri lai TRT 123 có khả năng thích nghi tương đối tốt với điều kiện thời tiết, khí hậu tại địa phương, trong khi phương thức nuôi phù hợp với quy mô nông hộ.

"Thời gian tới, địa phương sẽ tiếp tục tuyên truyền, hướng dẫn và hỗ trợ người dân áp dụng quy trình chăn nuôi đạt tiêu chuẩn VietGAHP, góp phần nâng cao thu nhập, phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng nền nông nghiệp hiện đại, bền vững", ông Hoàng Tiến Hùng cho biết.

Theo ông Nguyễn Quang Hùng, Phó Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Bắc Ninh, việc triển khai mô hình không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất mà còn tạo chuyển biến trong nhận thức và tập quán chăn nuôi của người dân. Từ phương thức chăn nuôi truyền thống, nhỏ lẻ, các hộ từng bước tiếp cận quy trình kỹ thuật hiện đại, chú trọng an toàn dịch bệnh và hiệu quả kinh tế.

Từ kết quả bước đầu, mô hình cho thấy việc nâng cao hiệu quả chăn nuôi cần được thực hiện đồng bộ từ con giống, quy trình kỹ thuật, kiểm soát dịch bệnh đến quản lý chi phí và liên kết tiêu thụ. Đây là cơ sở thực tiễn để Trung tâm Khuyến nông Bắc Ninh tiếp tục tuyên truyền, hướng dẫn và xem xét nhân rộng mô hình phù hợp với điều kiện từng địa phương. Qua đó, góp phần phát triển chăn nuôi an toàn, nâng cao giá trị sản phẩm, ổn định thu nhập và thúc đẩy sản xuất theo hướng hàng hóa, bền vững./.

HƯƠNG GIANG
Trung tâm Khuyến nông Bắc Ninh

LÀM CHỦ KỸ THUẬT NUÔI CÁ NƯỚC LẠNH VIETGAP

Kinh nghiệm từ Lào Cai

Giai đoạn 2025 - 2027, Trung tâm Khuyến nông Lào Cai triển khai Dự án khuyến nông Trung ương "Xây dựng mô hình nuôi cá tầm, cá hồi thương phẩm đạt chứng nhận VietGAP tại các tỉnh miền núi phía Bắc gắn với chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm". Dự án có quy mô 1.600m² bể, triển khai trên địa bàn 2 tỉnh Lào Cai và Lai Châu. Riêng năm 2025 là 600m² bể. Trong đó, tỉnh Lai Châu triển khai 300m² bể nuôi cá tầm thương phẩm, có 2 hộ tham gia; tỉnh Lào Cai 300m² bể nuôi cá hồi thương phẩm, có 3 hộ tham gia.

Cá tầm, cá hồi là đối tượng nuôi có yêu cầu kỹ thuật cao, rất nhạy cảm với biến động của môi trường nước, o-xy và thức ăn. Vì vậy, bên cạnh việc đầu tư cơ sở vật chất, người nuôi cần đặc biệt quan tâm đến các yếu tố kỹ thuật trong suốt quá trình chăm sóc, nuôi dưỡng, nguồn nước và thức ăn, phòng trị bệnh cho cá.

Nguồn nước là yếu tố quyết định thành công của mô hình nuôi cá nước lạnh. Nước cấp cho bể nuôi phải sạch, lấy từ đầu nguồn, lưu thông liên tục và không bị ô nhiễm bởi nước thải sinh hoạt, chất thải chăn nuôi hoặc hóa chất bảo vệ thực vật. Trong quá trình nuôi, thường xuyên kiểm tra nhiệt độ và chất lượng nguồn nước. Đối với cá hồi vân, nhiệt độ thích hợp dao động từ 15–18°C, hàm lượng ôxy hòa tan duy trì trên 6 mg/lít để cá phát triển khỏe mạnh. Khi nhiệt độ nước tăng cao hoặc lưu lượng nước giảm, cần chủ động tăng cường cấp nước, bổ sung ôxy và có biện pháp giảm nhiệt nhằm hạn chế hiện tượng cá bị sốc.

Cùng với nguồn nước, hệ thống bể nuôi cần được vệ sinh, tiêu độc khử trùng trước mỗi vụ nuôi và duy trì sạch sẽ trong suốt quá trình sản xuất. Việc định kỳ xi phông đáy bể, loại bỏ thức ăn dư thừa, chất thải và rong rêu không chỉ giúp cải thiện môi trường nuôi mà còn hạn chế sự phát triển của các tác nhân gây bệnh. Người nuôi cũng cần thường xuyên kiểm tra hệ thống cấp, thoát nước để bảo đảm dòng chảy ổn định, tránh tình trạng tắc nghẽn hoặc thiếu nước cục bộ.

Chất lượng con giống có ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất và hiệu quả chăn nuôi. Do đó, người dân nên lựa chọn cá giống tại các cơ sở sản xuất có uy tín, bảo đảm nguồn gốc rõ ràng, cá khỏe mạnh, kích cỡ đồng đều, không dị hình và không có dấu hiệu mắc bệnh. Trước khi thả nuôi cần thực hiện thuần nhiệt độ và xử lý cá giống theo

Cán bộ kỹ thuật kiểm tra điểm thực hiện Dự án tại tỉnh Lai Châu

Hình ảnh cá Tầm thương phẩm

Giống cá Hồi thương phẩm

Nguồn nước cấp quyết định yếu tố thành công của mô hình

hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật nhằm giảm sốc và hạn chế mang mầm bệnh vào khu vực nuôi.

Trong quá trình chăm sóc, cần sử dụng thức ăn công nghiệp chuyên dùng cho cá nước lạnh và cho ăn đúng khẩu phần theo từng giai đoạn phát triển. Đặc biệt thức ăn không được kháng sinh và chất cấm. Quan sát khả năng bắt mồi của cá để điều chỉnh lượng thức ăn phù hợp, tránh dư thừa làm suy giảm chất lượng nước. Vào những ngày nắng nóng, khi nhiệt độ nước vượt ngưỡng thích hợp, nên giảm lượng thức ăn hoặc tạm ngừng cho ăn trong thời gian ngắn, đồng thời tăng cường lưu thông nguồn nước để giảm stress cho cá.

Việc theo dõi sức khỏe đàn cá cần được thực hiện hằng ngày. Khi phát hiện cá có biểu hiện bất thường như bỏ ăn, nổi đầu, bơi lờ đờ, xuất hiện nấm, xuất huyết hoặc chết rải rác, người nuôi cần nhanh chóng kiểm tra các yếu tố môi trường, cách ly cá bệnh nếu cần thiết và liên hệ với cơ quan chuyên môn để được hướng dẫn xử lý. Không nên tự ý sử dụng thuốc hoặc kháng sinh khi chưa xác định được nguyên nhân gây bệnh nhằm tránh hiện tượng kháng thuốc và ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

Đối với điều kiện sản xuất tại Lào Cai, từ tháng 6 đến tháng 9 hằng năm thường xuất hiện mưa lớn, nước suối đục, lưu lượng nước biến động mạnh, thậm chí xảy ra lũ quét và sạt lở. Đây là thời điểm người nuôi cần chủ động theo dõi diễn biến thời tiết, thường xuyên kiểm tra hệ thống bể nuôi, gia cố đường ống cấp, thoát nước, chuẩn bị máy sục khí, máy phát điện dự phòng và dự trữ đầy đủ thức ăn, vật tư cần thiết. Sau những trận mưa lớn, chỉ nên đưa nước vào bể khi chất lượng nguồn nước bảo đảm; đồng thời hạn chế thả giống mới hoặc vận chuyển cá trong điều kiện thời tiết cực đoan để giảm thiểu rủi ro.

Nuôi cá nước lạnh là nghề có giá trị kinh tế cao nhưng cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro nếu không tuân thủ đúng các yêu cầu kỹ thuật. Thực hiện tốt việc quản lý nguồn nước, chăm sóc, theo dõi sức khỏe đàn cá và chủ động ứng phó với thời tiết bất lợi sẽ góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm thiểu thiệt hại do dịch bệnh, hướng tới phát triển nghề nuôi cá nước lạnh an toàn, bền vững và hiệu quả trên địa bàn tỉnh Lào Cai./.

TRẦN THỊ DIỆN
Trung tâm Khuyến nông Lào Cai

GIẢI PHÁP PHÒNG, CHỐNG HẠN MẶN CHO CÂY ĂN QUẢ VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Để ứng phó với điều kiện bất lợi của môi trường, cần có các giải pháp kỹ thuật phục hồi sinh trưởng, phát triển cây ăn quả sau hạn, mặn, đồng thời phải có công tác chuẩn bị phòng chống hạn, xâm nhập mặn nhằm giảm thiểu thiệt hại ở mức thấp nhất có thể xảy ra đối với cây trồng nói chung và cây ăn quả, cây sầu riêng nói riêng.

1. Giải pháp phòng, chống hạn, mặn cho cây ăn quả

a. Chọn vùng trồng thích hợp

Đối với cây trồng mới thì tùy theo khả năng chịu mặn của cây mà chọn vùng trồng phù hợp. Nên chọn vùng trồng mới có thời gian xâm nhập mặn ngắn và nồng độ mặn không vượt gấp nhiều lần khả năng chịu mặn của loại cây dự định trồng trên vườn.

b. Thiết kế vườn phù hợp

- Vườn trồng nên nằm trong vùng đê bao khép kín, có khả năng đóng, mở trong mùa khô xâm nhập mặn.

- Thiết kế mương đủ rộng để trữ nước tưới trong mùa khô. Không đào mương quá sâu sẽ dễ bị nước mặn thẩm thấu vào vườn. Các vùng trồng cây ăn quả mới nên có tỷ lệ mương/líp là 4/6.

- Hệ thống đê bao của mỗi vườn cần chắc chắn để tránh nước mặn xâm nhập vào vườn. Đối với vườn đã trồng thì dự trữ nước ngọt bằng nhiều cách: Trong mương (lót nilon ở đáy mương), Trong những túi nilon dày, đồng thời sử dụng hệ thống tưới nước tiết kiệm.

c. Kỹ thuật chăm sóc cây ăn quả trước và trong hạn mặn

- Chăm sóc cây trước giai đoạn xâm nhập mặn

+ Củng cố hệ thống đê bao của vườn để tránh nước mặn xâm nhập.

+ Tủ gốc giữ ẩm cho cây bằng lá dừa nước, rơm rạ, lục bình, cỏ khô,...

+ Dự trữ nước trong mương hoặc trong túi nilon dày để tưới cho cây trong những tháng nước nhiễm mặn.

+ Để giảm bốc thoát hơi nước và nhu cầu nước của cây: tiến hành tỉa cành, tạo tán, tỉa bớt hoa và quả trong giai đoạn này.

+ Không xử lý cây ra hoa trong giai đoạn này nếu nguồn nước tưới không đảm bảo cung cấp đầy đủ cho cây khi đậu quả và phát triển quả.

+ Hạn chế bón phân hóa học có hàm lượng đạm cao, tăng cường bón phân hữu cơ kết hợp sử dụng nấm *Mycorrhiza, Trichoderma* làm tăng khả năng chống chịu của rễ với hạn mặn và ức chế vi sinh vật gây hại bộ rễ.

+ Phun Brassinosteroid nồng độ 50 ppm và Canxi nitrat 0,5% trước khi mặn xâm nhập. Phun ở thời điểm sáng sớm, phun ướt đều 2 mặt lá.

+ Có thể phun các acid amin (Proline, Glycine, Glutamic Acid,...), phân bón lá có chứa Kali, Canxi, Magiê, Silic để giúp cây tăng sức đề kháng, tăng khả năng chống chịu hạn mặn.

- Chăm sóc cây trong giai đoạn xâm nhập mặn

+ Đối với một số cây ăn quả mẫn cảm với mặn như sầu riêng, chôm chôm, măng cụt...thì không tưới nước có độ mặn ≥ 1 ‰.

+ Đối với cây cam, quýt, bưởi, có thể tưới khi độ mặn của nước >1‰ nhưng phải < 2 ‰, tuyệt đối không tưới khi nước có độ mặn > 2 ‰.

+ Trong thời gian nhiễm mặn chỉ tưới nước tối thiểu, giúp cây không bị héo và mặt đất không bị khô nứt (kéo dài thời gian giữa hai lần tưới, giảm số lần tưới và lượng nước tưới).

+ Phun Brassinosteriod 50 ppm và Canxi nitrat 0,5%, 4 lần ở các thời điểm như sau: lần 1 ngay khi nguồn nước tưới nhiễm mặn; các lần tiếp theo được phun sau đó 15 ngày.

+ Thường xuyên cập nhật thông tin về dự báo tình hình xâm nhập mặn tại địa phương, kiểm tra nồng độ mặn nguồn nước trên sông, rạch để kịp thời ngăn chặn nước mặn hoặc lấy nước vào vườn.

d. Các giải pháp khác phòng chống chịu hạn, mặn

- Giải pháp sử dụng gốc ghép đóng vai trò quan trọng đối với sự chống chịu với những điều kiện bất lợi của môi trường như: mặn, hạn, ngập úng và có ảnh hưởng đến sinh trưởng, năng suất và phẩm chất quả.

+ Trên cây có múi: sử dụng Sảnh, Bòng, bưởi Bung, bưởi Hồng Đường (Cần Thơ), bưởi Đường Hồng (Bình Dương), bưởi Long Cổ Cò làm gốc ghép có khả năng chống chịu mặn (NaCl) ở nồng độ 8‰ trong 2 tháng.

+ Trên cây xoài: sử dụng xoài Canh Nông (Khánh Hòa), Châu Hạng Võ (Trà Vinh), xoài 13 -1 (Israel), xoài Ghép xanh (Tiền Giang), xoài Thơm (An Giang) làm gốc ghép có khả năng chống chịu mặn (NaCl) ở nồng độ 13‰ trong 2 tháng.

+ Trên cây sầu riêng: sử dụng sầu riêng Lá Quéo, Sầu riêng Chanee và sầu riêng Khổ Qua Xanh làm gốc ghép có khả năng chịu mặn ở nồng độ 2‰ trong nhà lưới ở 35 ngày xử lý mặn.

- Sử dụng gốc ghép: bưởi Thanh Trà, bưởi Biên Hòa (Đồng Nai), cây Chúc (An Giang) làm gốc ghép cho cây có múi tại vùng khô hạn, có khả năng chống chịu hạn tốt 30 ngày trong điều kiện khô hạn.

đ. Quản lý sâu bệnh hại trong điều kiện hạn mặn

- Quản lý bệnh héo xanh - thối rễ:

Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có hoạt chất Metalaxyl đơn lẻ hay kết hợp Trichoderma hoặc Streptomyces. Metalaxyl được xử lý 3 lần, mỗi lần cách nhau 10 ngày, mỗi lần 10g/ 10 lít nước/cây. Sau 15 ngày khi xử lý lần 3, bổ sung phân hữu cơ kết hợp với 50 g SOFRI-Trichoderma hay 50 g SOFRI-Treptomyces.

- Quản lý rệp sáp:

Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật hoạt chất Clothianidin kết hợp nấm ký sinh *Paecilomyces* sp. hoặc *Metarhizium* sp. Thuốc Clothianidin được tưới 1 lần theo liều khuyến cáo (1 g/3 lít nước/cây) sau khi xới nhẹ mặt liếp. Sau đó tưới 50 g chế phẩm SOFRI-Paecilomyces hay nấm *Metarhizium* sp. xung quanh gốc cây. Sử dụng SOFRI-trừ kiến dưới đất xung quanh gốc cây (liều lượng 2 ml/cây) để diệt kiến hạn chế phát tán rệp sáp.

- Quản lý bọ trĩ:

Nên xử lý cho cây ra đọt, ra hoa đồng loạt. Phun nước bằng vòi phun áp lực cao lên tán cây cũng hạn chế mật số bọ trĩ và các sâu hại khác. Khi 3 – 5% số đọt non hay quả non có bọ trĩ gây hại thì tiến hành xử lý các hoạt chất thuốc khác nhau như Spinetoram, Thiamethoxam, Buprofezin. Có thể sử dụng dịch trích tỏi và neem để trừ bọ trĩ.

2. Nhu cầu nước tưới và khả năng chịu mặn của cây ăn quả

a. Nhu cầu nước tưới của một số chủng loại cây ăn quả

Theo Tổng cục Thủy lợi thì nhu cầu nước của một số loại quả vùng ĐBSCL như sau: ☞

TT	Loại cây	Mật độ (cây/ha)	Nhu cầu nước (m^3/ha/tháng)	Mức nước cần tưới quy đổi (m^3/cây/tháng)
1	Sầu riêng	178 ÷ 208	231 ÷ 322	1,30 ÷ 1,55
2	Cây xoài	204 ÷ 278	176 ÷ 240	0,86
3	Cây bưởi	278 ÷ 400	265 ÷ 382	0,95 ÷ 0,96
4	Cây cam	600	255	0,43
5	Cây quýt	600	255	0,43
6	Cây chuối	2.500 ÷ 3.000	215 ÷ 260	0,09
7	Mãng cầu xiêm, na	600	232	0,39
8	Cây mít	600	232	0,39
9	Cây chôm chôm	278 ÷ 290	255 ÷ 266	0,92
10	Cây nhãn	278 ÷ 400	240 ÷ 354	0,86 ÷ 0,89
11	Thanh long	1.200	440	0,37
12	Cây dứa (Khóm)	55.000	289	5,25
13	Cây vú sữa	277	254	0,92
14	Cây măng cụt	100 ÷ 204	106 ÷ 216	1,06

Ghi chú:

+ Đơn vị tính 01 ha; thời gian là 30 ngày; không xét yếu tố mưa; nếu có mưa, lượng nước tưới giảm.

+ Áp dụng cho cây ăn quả trong giai đoạn độ tuổi kinh doanh (cây đã ra trái); cây có tuổi nhỏ hơn, lượng nước tưới ít hơn.

+ Dựa vào nhu cầu nước/tháng của từng loại cây ăn quả mà tính lượng nước dự trữ cho cây trồng các tháng khô hạn.

b. Khả năng chịu mặn của một số chủng loại cây ăn quả

Tùy theo giống cây ăn quả mà khả năng chống chịu mặn của cây sẽ khác nhau. Sau đây là phân nhóm khả năng chịu mặn của một số giống cây ăn quả:

- Nhóm cây mẫn cảm với mặn (nồng độ mặn 0,5‰ - <1‰): bơ, chuối, khế, nhãn, đu đủ, chanh dây, sầu riêng, chôm chôm, bòn bon, măng cụt.

- Nhóm cây chịu mặn trung bình (nồng độ mặn 1‰ - 2‰): sơri, ca cao, cây có múi, ổi, khóm, vú sữa, mít.

- Nhóm cây chống chịu khá với mặn (nồng độ mặn 3‰ - 4‰): xoài, mãng cầu xiêm, na.

- Nhóm cây chống chịu tốt với mặn (nồng độ mặn 5‰ - 6‰): dừa, sapô, me, nho (tùy theo giống).

Khả năng chịu mặn còn phụ thuộc tình trạng dinh dưỡng, ẩm độ trong đất, giai đoạn sinh trưởng của cây (cây đang ra lá, ra hoa, mang quả thì khả năng chống chịu mặn kém hơn),...

BIỆN PHÁP PHÒNG, TRỊ BỆNH TỤ HUYẾT TRÙNG Ở GIA SÚC, GIA CẦM

1. Nguyên nhân

Bệnh tụ huyết trùng do vi khuẩn *Pasteurella* gây ra. Vi khuẩn có nhiều chủng và dễ bị tiêu diệt bởi nhiệt độ, ánh sáng và chất sát trùng.

2. Điều kiện lây lan bệnh

Loài mắc bệnh: Trâu, bò, lợn, gà, vịt, ngan...

Điều kiện phát bệnh: Bệnh tụ huyết trùng thường phát ra khi thời tiết nóng ẩm, đặc biệt vào mùa mưa (mưa nắng thất thường).

Đường lây truyền chính: Từ vật nuôi bệnh sang vật nuôi khoẻ (do tiếp xúc), do nước uống, thức ăn, dụng cụ chăn nuôi nhiễm mầm bệnh; bệnh cũng có thể phát tán do buôn bán, giết mổ vật nuôi bệnh và các vật trung gian truyền bệnh như chuột, côn trùng...

3. Triệu chứng lâm sàng

Thông thường vật nuôi mắc bệnh ở 3 thể:

- Thể ác tính: con vật chết rất nhanh, không biểu hiện rõ triệu chứng, đôi khi có sốt cao.

- Thể cấp tính: phổ biến nhất, vật nuôi chết nhanh (thời gian ủ bệnh từ 1-3 ngày), thân tím tái; sốt cao, đi lại chậm chạp, liệt chân hay liệt cánh ở gia cầm; lợn, bò, trâu thường thè lưỡi ra, thở khó.

Có hiện tượng tiêu chảy, phân có máu tươi và niêm mạc ruột. Thở khó, chảy nước mũi, nước miếng. Vi trùng vào máu gây nhiễm trùng huyết làm cho vật nuôi chết nhanh.

Ở nước ta gia súc, gia cầm bị bệnh chết chiếm đến 90 - 100%.

- Thể á cấp tính: Gia súc thường rối loạn tiêu hoá: lúc táo bón, lúc tiêu chảy; viêm khớp nên con vật đi lại khó khăn. Ở gia cầm, tích sưng, viêm khớp, bại liệt. Mắt sưng viêm kết mạc mắt; tỷ lệ đẻ giảm, tỷ lệ chết tăng.

4. Bệnh tích

Bệnh cấp tính có đặc điểm chung là xuất huyết phủ tạng và thịt tím sẫm. Phổi có thể bị sung huyết, xuất huyết, ở gia súc phổi thường bị "gan hóa"; gan sưng, ruột sưng, đôi khi có máu. Gia cầm đẻ, buồng trứng vỡ nát. Có thể thấy dịch phẩm xuất nhầy như "pho mát" ở gan, tim. Đặc biệt trên mặt gan có những hoại tử trắng lấm tấm như đầu đinh ghim.

5. Chẩn đoán

- Dựa vào triệu chứng lâm sàng và bệnh tích điển hình.

- Xét nghiệm vi trùng học và làm phản ứng huyết thanh học.

Lưu ý: Hiện tượng lách không sưng có thể loại trừ bệnh thương hàn và phó thương hàn vật nuôi. Hoại tử chỉ có bệnh tụ huyết trùng, có thể loại trừ bệnh Newcastle.

6. Điều trị và phòng bệnh

Điều trị

Sớm phát hiện bệnh, cách ly con ốm, dùng một trong các loại thuốc sau đây để điều trị bệnh: Ampi - septol, Genta - tylo, Cosmix - fort, Oxytetracylin, Genta-costrim, Gentamicin, Lincospecto.

Liều lượng, cách dùng theo khuyến cáo của nhà sản xuất. Bổ sung các vitamin, thuốc trợ sức, trợ lực để vật nuôi nhanh hồi phục.

Phun sát trùng toàn bộ chuồng nuôi, các dụng cụ chăn nuôi, chất thải của vật nuôi bệnh

Phòng bệnh

- Tiêm vắc-xin keo phèn hoặc nhũ hoá, liều lượng và cách dùng theo khuyến cáo của nhà sản xuất.

- Thường xuyên vệ sinh, sát trùng khu vực chăn nuôi, bãi chăn thả.

- Tăng cường sức đề kháng cho vật nuôi, chăm sóc nuôi dưỡng tốt, đặc biệt trong mùa mưa và khi có yếu tố bất lợi cho vật nuôi./.

Phòng ngừa hội chứng giảm đẻ TRÊN GÀ

Hội chứng giảm đẻ do vi - rút gây ra là bệnh truyền nhiễm trên gà. Bệnh không gây chết nhưng làm giảm năng suất đẻ trứng và tổn hại buồng trứng của gà vĩnh viễn.

1. Nguyên nhân

Hội chứng giảm đẻ (Egg Drop Syndrome - EDS) do vi-rút thuộc nhóm Adenovirus gây bệnh ở gà.

Vi-rút EDS tương đối bền với Chloroform, chịu được độ pH từ 3 - 10. Với nhiệt độ, vi-rút bất hoạt sau 30 phút ở 60^{0}C, 3 giờ ở 56^{0}C. Tính gây bệnh của vi-rút sẽ mất đi sau khi xử lý với Formaldehyde 0,5% và Glutaraldehyde 0,5%.

2. Đặc điểm dịch tễ

Đường truyền lây: Bệnh lây truyền theo 2 con đường:

Lây truyền dọc: Bệnh lây từ đàn bố mẹ sang đàn con thông qua trứng bị nhiễm mầm bệnh. Tuy số lượng trứng bị ảnh hưởng không nhiều nhưng đây là đường truyền lây nguy hiểm. Trong nhiều trường hợp, gà bị nhiễm vi-rút từ trứng không bài thải vi-rút cũng như không sản sinh kháng thể. Chỉ đến khi tỷ lệ đẻ trong đàn đạt trên 50%, giai đoạn vi-rút bị tái kích hoạt, con vật bài thải vi-rút làm bệnh lây lan nhanh trong đàn.

Lây truyền ngang: Bệnh lây từ gà bệnh sang gà khỏe qua thức ăn, nước uống, dụng cụ chăn nuôi, các chất thải từ gà bị nhiễm bệnh. Do vậy, sự lan truyền mầm bệnh giữa các gà trong kiểu nuôi chuồng lồng khá chậm vì được nuôi tách biệt. Núm uống, máng ăn, ô chuồng tương đối tách biệt. Mầm bệnh sẽ lây lan nhanh hơn đối với gà nuôi kiểu sàn.

Loài mắc bệnh: Vi-rút có thể gây bệnh cho tất cả các loại gia cầm, thủy cầm. Bệnh xuất hiện ở mọi lứa tuổi từ gà con đến gà trưởng thành. Tuy nhiên, bệnh thường xảy ra ở gà đẻ công nghiệp (thương phẩm) và gà đẻ trứng giống trong giai đoạn từ 26 - 35 tuần tuổi, thời gian đẻ đỉnh của gia cầm.

Cơ chế sinh bệnh: Vi-rút vào cơ thể gây nhiễm trùng huyết và nhân lên tại các mô lympho trên khắp cơ thể. Trong đó, vòi trứng và ống dẫn trứng cũng bị ảnh hưởng dẫn đến bị viêm nên quá trình hình thành vỏ trứng diễn ra không bình thường. Thời gian ủ bệnh từ 7 - 9 ngày có một số trường hợp gây bệnh sau 17 ngày bị nhiễm.

3. Triệu chứng

Đặc trưng của bệnh là gà đang đẻ bình thường tự nhiên giảm đẻ đột ngột 20 - 40% và kéo dài liên tục. Gà bị bệnh vẫn ăn uống bình thường hoặc giảm ăn. Một số trường hợp gà có hiện tượng tiêu chảy nhất thời, mào nhợt nhạt (chiếm khoảng 10 - 70%). Hình dạng trứng ngắn lại, vỏ mỏng, sần sùi và chuyển từ màu nâu sang màu trắng, có khi không có vỏ, lòng trắng loãng. Số lượng trứng sản xuất ra không ảnh hưởng nhưng số lượng trứng sử dụng được giảm từ 10 - 40%.

4. Bệnh tích

Bệnh tích biểu hiện chủ yếu ở buồng trứng và ống dẫn trứng, các bệnh tích khác không rõ ràng. Điều này khiến cho việc lựa chọn gà bị bệnh rất khó khăn.

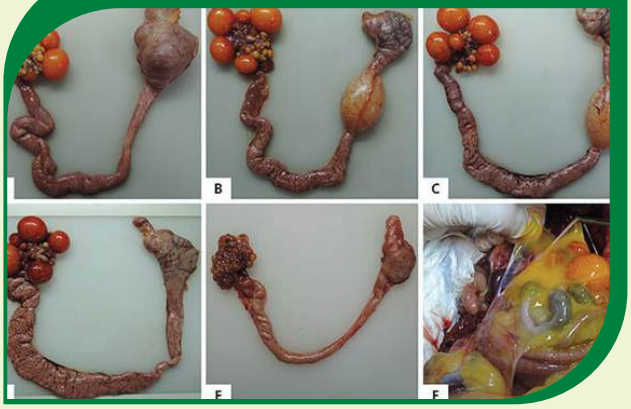

Gà mắc hội chứng giảm đẻ, buồng trứng teo nhỏ, vỏ trứng biến dạng

Ống dẫn trứng bị phù thũng sau, đặc biệt tại miệng phễu ở phần trên của ống dẫn trứng và phần tử cung.

Lách bị sưng to, tế bào trứng mềm nhũn, quan sát thấy nhiều giai đoạn phát triển của trứng trong xoang bụng.

5. Chẩn đoán

Chẩn đoán lâm sàng: Hội chứng giảm đẻ ở gà có thể được chẩn đoán dựa vào hiện tượng giảm sản lượng trứng không đạt được như đã dự báo hoặc sản lượng trứng đột nhiên giảm, đặc biệt khi gà đang khỏe mạnh nhưng vỏ trứng bị thay đổi hoặc sức khỏe đàn gà giảm sút cùng với chất lượng vỏ trứng. Tuy nhiên, các triệu chứng lâm sàng của bệnh rất dễ nhầm lẫn với bệnh khác.

Bên cạnh đó khi có biểu hiện triệu chứng, bệnh đã gây ảnh hưởng đến năng suất đàn gà đẻ, ảnh hưởng đến kinh tế người nuôi. Cần tiến hành giám sát mầm bệnh lưu hành trong đàn trước giai đoạn gà đẻ trứng, từ đó có những biện pháp kịp thời điều trị bệnh.

Chẩn đoán phòng thí nghiệm: Có nhiều phương pháp chẩn đoán, giám sát bệnh như: phản ứng HI, ELISA, iiPCR. Trong đó, kỹ thuật iiPCR đang được nhiều cơ sở thú y, trang trại lớn nhỏ lựa chọn.

6. Điều trị

Hiện nay chưa có thuốc điều trị hội chứng giảm đẻ ở gà.

Khi gà bị bệnh, cần bổ sung thuốc bổ, vitamin, tăng hàm lượng canxi và protein trong khẩu phần cho gà đẻ, gà giống để tăng năng suất đẻ và tăng chất lượng trứng.

7. Phòng bệnh

Người chăn nuôi cần thực hiện tốt các biện pháp phòng để giảm thiểu khả năng mắc bệnh của đàn gà.

Tiêm vaccine là biện pháp phòng bệnh giảm đẻ ở gà hiệu quả nhất. Vắc - xin bất hoạt được sử dụng để tiêm cho gà nuôi trước khi vào giai đoạn bắt đầu đẻ trứng, giai đoạn 15 - 16 tuần tuổi bằng các loại vaccine theo khuyến cáo của nhà sản xuất.

Chọn gà giống từ những cơ sở uy tín, chất lượng. Gà con phải được chọn từ những đàn gà được tiêm phòng cẩn thận.

Đảm bảo vệ sinh phòng bệnh trong quá trình chăn nuôi, vận chuyển trứng, quá trình tiêm phòng. Thường xuyên vệ sinh chuồng trại, máng ăn, máng uống sạch sẽ. Định kỳ 2 lần/tuần phun sát trùng để tiêu diệt mầm bệnh trong và ngoài trang trại, ngâm khay đựng trứng vào chất sát trùng sau đó phơi khô trước khi đưa vào sử dụng. Khu nuôi gà phải xa khu nuôi vịt, ngỗng vì virus có nguồn gốc từ vịt và ngỗng.

Nếu đàn gà bệnh và gà không bị bệnh được nuôi chung, cần tiến hành tách riêng trong quá trình chăn nuôi, ấp nở. Nếu có điều kiện nên sử dụng các máy ấp riêng, hoặc nếu không phải sử dụng các khay ấp nở riêng.

Cung cấp thức ăn và nước uống đầy đủ. Thường xuyên bổ sung các loại tăng đề kháng, bổ sung khoáng, vitamin, canxi giúp tăng sức kháng bệnh, chống stress khi môi trường thay đổi, tăng khả năng hấp thu khoáng, kích thích buồng trứng phát triển, tăng chu kỳ đẻ và giai đoạn gà đẻ đỉnh cao.

Thường xuyên theo dõi sản lượng và chất lượng trứng gà cũng như sức khỏe gà nuôi để phát hiện sớm dấu hiệu bệnh. Khi phát hiện các dấu hiệu bệnh lý thì người nuôi cần liên hệ bác sĩ thú y để được hỗ trợ kịp thời./.

SỬ DỤNG THUỐC THÚ Y THỦY SẢN ĐÚNG QUY ĐỊNH VÀ TRÁNH TỒN DƯ KHÁNG SINH

Thuốc thú y thủy sản là một trong những công cụ hỗ trợ người nuôi kiểm soát dịch bệnh và duy trì sức khỏe vật nuôi. Lựa chọn đúng sản phẩm, sử dụng đúng mục đích, liều lượng và thời gian quy định là yêu cầu cần thiết để nâng cao hiệu quả và hạn chế nguy cơ tồn dư trong sản phẩm thủy sản.

Lựa chọn thuốc có nguồn gốc rõ ràng

Chỉ sử dụng thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam, có nguồn gốc rõ ràng, phù hợp với đối tượng thủy sản, công dụng và hướng dẫn sử dụng ghi trên nhãn.

Cần kiểm tra đầy đủ thông tin trên bao bì, nhãn sản phẩm, gồm: tên sản phẩm; thành phần, hàm lượng hoạt chất; công dụng; đối tượng và phạm vi sử dụng; thông tin về lưu hành; ngày sản xuất; hạn sử dụng; tên, địa chỉ của đơn vị sản xuất, kinh doanh và các thông tin hướng dẫn sử dụng khác. Đối với thuốc thú y, cần đặc biệt lưu ý hướng dẫn về liều lượng, cách dùng và thời gian ngừng sử dụng trước khi thu hoạch.

Không mua và sử dụng các sản phẩm bị mất nhãn, nhãn không rõ thông tin, bao bì rách, biến dạng hoặc không xác định được thành phần và đơn vị chịu trách nhiệm. Trường hợp sản phẩm đã hết hạn sử dụng, thay đổi màu sắc, mùi, trạng thái hoặc có dấu hiệu hư hỏng cũng không được tiếp tục sử dụng, ngay cả khi sản phẩm vẫn còn trong bao bì.

Tuyệt đối không sử dụng thuốc thú y cấm sử dụng, không được phép lưu hành tại Việt Nam; thuốc thú y không rõ nguồn gốc, xuất xứ, quá hạn sử dụng; nguyên liệu làm thuốc thú y, nguyên liệu làm thuốc dùng trong y tế và thuốc dùng trong y tế để phòng bệnh, chữa bệnh cho động vật thủy sản.

Tuân thủ nguyên tắc "4 đúng"

Nguyên tắc "4 đúng" gồm đúng thuốc, đúng liều, đúng lúc và đúng cách là cơ sở quan trọng để sử dụng thuốc hiệu quả và an toàn.

Đúng thuốc: Trước hết là xác định chính xác nguyên nhân gây bệnh và lựa chọn sản phẩm phù hợp với tác nhân, đối tượng thủy sản và điều kiện nuôi. Người nuôi cần thực hiện theo hướng dẫn sử dụng của sản phẩm và tham khảo cán bộ chuyên môn. Chẩn đoán đúng nguyên nhân giúp lựa chọn biện pháp xử lý hiệu quả, tránh dùng thuốc sai bệnh, gây lãng phí chi phí và gia tăng áp lực lên vật nuôi, môi trường.

Đúng liều: Là sử dụng đúng lượng thuốc được hướng dẫn cho khối lượng hoặc sinh khối thủy sản, thể tích nước và thời gian điều trị. Không tự ý tăng hoặc giảm liều. Liều không đủ có thể làm giảm hiệu quả điều trị, trong khi quá liều làm tăng nguy cơ ảnh hưởng đến vật nuôi, môi trường và tồn dư thuốc. Đối với thuốc trộn thức ăn, cần căn cứ lượng thức ăn thực tế và sinh khối thủy sản để tính lượng thuốc phù hợp. Thức ăn sau khi trộn phải được phân bố đồng đều. Khi thủy sản giảm ăn nghiêm trọng, cần cân nhắc phương pháp này vì lượng thuốc thực tế hấp thu có thể không đạt yêu cầu.

Đúng lúc: là sử dụng thuốc vào thời điểm phù hợp với tình trạng bệnh và điều kiện môi trường. Cần phát hiện sớm dấu hiệu bất thường, xác định nguyên nhân và can thiệp kịp thời; không chờ bệnh diễn biến nặng mới xử lý, nhưng cũng không sử dụng thuốc ngay khi chỉ mới xuất hiện một vài dấu hiệu chưa rõ nguyên nhân. Phát hiện sớm, xác định nguyên nhân và can thiệp đúng thời điểm sẽ giúp nâng cao hiệu quả xử lý.

Đặc biệt, cần lưu ý điều kiện môi trường trước và trong quá trình điều trị. Nếu ao đang thiếu ôxy, nhiệt độ quá cao hoặc chất lượng nước biến động mạnh, việc sử dụng thuốc mà không khắc phục các yếu tố bất lợi có thể khiến hiệu quả điều trị thấp. Trong nhiều trường hợp, ổn định môi trường và giảm stress cho vật nuôi là bước cần thực hiện song song với xử lý bệnh.

Đúng cách: Là tuân thủ phương pháp sử dụng được hướng dẫn, không tự ý phối trộn nhiều sản phẩm khi chưa xác định khả năng tương tác giữa các hoạt chất. Với thuốc dùng qua thức ăn, cần trộn đúng kỹ thuật để thuốc bám đều và hạn chế thất thoát xuống nước. Với sản phẩm dùng trực tiếp trong môi trường, phải tính toán đúng thể tích nước và bảo đảm điều kiện sử dụng phù hợp.

Sử dụng kháng sinh đúng quy định

Một nguyên tắc quan trọng là chỉ sử dụng kháng sinh khi đã xác định bệnh có liên quan đến vi khuẩn; không sử dụng kháng sinh để kích thích tăng trưởng hoặc dùng thường quy để phòng bệnh; việc sử dụng kháng sinh phải căn cứ vào chẩn đoán, hướng dẫn sử dụng và hướng dẫn chuyên môn phù hợp.

Khi thủy sản có dấu hiệu nghi mắc bệnh do vi khuẩn, cần xác định nguyên nhân trước khi lựa chọn thuốc. Trường hợp có điều kiện, nên lấy mẫu xét nghiệm để xác định tác nhân gây bệnh và thực hiện kháng sinh đồ nhằm đánh giá mức độ nhạy cảm của vi khuẩn với các hoạt chất. Đây là cơ sở giúp lựa chọn thuốc phù hợp, hạn chế sử dụng kháng sinh không hiệu quả và giảm nguy cơ phát sinh kháng thuốc.

Việc lựa chọn kháng sinh cần căn cứ vào tác nhân gây bệnh, kết quả chẩn đoán và kháng sinh đồ khi có, phổ tác dụng của thuốc và hướng dẫn sử dụng; cần thực hiện theo hướng dẫn chuyên môn. Khi đã xác định được vi khuẩn gây bệnh và có ☞

☞ thông tin về mức độ nhạy cảm, ưu tiên lựa chọn hoạt chất có hiệu quả trên tác nhân đó, theo hướng sử dụng phổ hẹp khi phù hợp, thay vì sử dụng kháng sinh phổ rộng trong mọi trường hợp.

Trong quá trình điều trị, cần tuân thủ đúng liều lượng, cách dùng và thời gian sử dụng theo hướng dẫn. Không tự ý dừng thuốc khi thủy sản mới bắt đầu có dấu hiệu cải thiện, đồng thời không kéo dài thời gian điều trị khi không có chỉ định.

Đặc biệt, cần tuân thủ thời gian ngừng sử dụng kháng sinh trước khi thu hoạch theo quy định hoặc hướng dẫn đối với sản phẩm đã dùng. Đây là yêu cầu quan trọng nhằm hạn chế tồn dư thuốc trong sản phẩm thủy sản.

Xử lý khi điều trị không hiệu quả

Nếu thủy sản không cải thiện sau thời gian điều trị theo hướng dẫn, cần đánh giá lại nguyên nhân thay vì tiếp tục sử dụng thuốc theo kinh nghiệm. Trước hết, kiểm tra diễn biến bệnh, tình trạng sức khỏe đàn thủy sản và các yếu tố môi trường như chất lượng nước, ôxy hòa tan, nhiệt độ, lượng thức ăn và khả năng bắt mồi.

Nếu nghi ngờ bệnh do vi khuẩn, cần xem xét lại kết quả chẩn đoán. Trường hợp có điều kiện, nên lấy mẫu xét nghiệm, xác định lại vi khuẩn gây bệnh và thực hiện kháng sinh đồ để có cơ sở lựa chọn hoạt chất phù hợp. Với thuốc sử dụng qua thức ăn, cũng cần lưu ý khả năng thủy sản giảm ăn làm lượng thuốc đưa vào cơ thể không đạt yêu cầu.

Không tự ý tăng liều, phối hợp nhiều loại kháng sinh, đổi thuốc hoặc kéo dài thời gian điều trị khi chưa có hướng dẫn chuyên môn. Nếu bệnh tiếp tục diễn biến nặng, tỷ lệ chết tăng hoặc chưa xác định được nguyên nhân, cần liên hệ cán bộ chuyên môn hoặc cơ quan chuyên môn có thẩm quyền để được hướng dẫn.

Sử dụng sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản đúng quy định

Bên cạnh thuốc thú y thủy sản, các sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản cũng được sử dụng để hỗ trợ cải thiện điều kiện ao nuôi. Người nuôi cần lựa chọn sản phẩm đáp ứng quy định pháp luật hiện hành, có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng và đọc kỹ thông tin về thành phần, công dụng, đối tượng sử dụng, liều lượng trước khi áp dụng.

Không nên sử dụng sản phẩm xử lý môi trường một cách tùy tiện hoặc kết hợp nhiều sản phẩm khi chưa xác định rõ khả năng tương tác. Việc sử dụng cần căn cứ vào tình trạng thực tế của ao, các chỉ tiêu môi trường và hướng dẫn của nhà sản xuất. Đặc biệt, không xem sản phẩm xử lý môi trường là biện pháp thay thế cho quản lý chất lượng nước, thức ăn và sức khỏe vật nuôi. Sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản phải đáp ứng quy định pháp luật hiện hành và bảo đảm an toàn cho thủy sản, người sử dụng và môi trường.

Bảo quản thuốc và sản phẩm xử lý môi trường an toàn

Bảo quản thuốc thú y thủy sản và sản phẩm xử lý môi trường đúng điều kiện giúp duy trì chất lượng sản phẩm, hạn chế biến đổi thành phần và tránh nguy cơ sử dụng nhầm. Người nuôi cần giữ sản phẩm trong bao bì gốc, có nhãn đầy đủ và bảo quản theo điều kiện ghi trên nhãn hoặc bao bì sản phẩm, tránh ánh nắng trực tiếp, nguồn nhiệt và ẩm ướt.

Thuốc và sản phẩm xử lý môi trường cần được sắp xếp riêng, có phân loại rõ ràng để thuận tiện kiểm tra và sử dụng. Không đặt chung với thức ăn thủy sản, dụng cụ chứa thức ăn hoặc các vật dụng phục vụ sinh hoạt. Các sản phẩm đã mở bao bì cần được đóng kín sau mỗi lần sử

dụng, tránh để tiếp xúc với nước, bụi bẩn hoặc các tác nhân có thể làm thay đổi chất lượng sản phẩm.

Người nuôi cần thường xuyên kiểm tra tên sản phẩm, hạn sử dụng, tình trạng bao bì và chất lượng sản phẩm trong quá trình bảo quản. Cần tuân thủ các yêu cầu an toàn ghi trên nhãn, đồng thời bố trí khu vực bảo quản phù hợp, hạn chế nguy cơ đổ vỡ, tiếp xúc trực tiếp hoặc gây ảnh hưởng đến người, vật nuôi và môi trường.

Không vứt thuốc, sản phẩm xử lý môi trường và bao bì ra môi trường

Thuốc thú y và sản phẩm xử lý môi trường sau khi sử dụng nếu không được thu gom, xử lý đúng cách có thể trở thành nguồn gây ô nhiễm cho ao nuôi và môi trường xung quanh.

Người nuôi không vứt thuốc, sản phẩm xử lý môi trường còn dư, dung dịch đã qua sử dụng hoặc bao bì xuống ao, kênh mương, sông, suối và các khu vực tự nhiên. Đặc biệt, không đổ trực tiếp phần sản phẩm còn thừa ra nguồn nước.

Sau khi sử dụng, chai, lọ, túi, can và các loại bao bì thuốc thú y, sản phẩm xử lý môi trường cần được thu gom riêng, không vứt lẫn với rác sinh hoạt hoặc bỏ tùy tiện trên bờ ao. Việc thu gom cần thực hiện ngay sau khi sử dụng. Đối với sản phẩm còn dư, người nuôi cần xử lý theo hướng dẫn của nhà sản xuất và quy định hiện hành, không tự ý xả ra môi trường.

Bên cạnh đó, cần chú ý đến dụng cụ và khu vực pha, sử dụng sản phẩm. Không rửa dụng cụ chứa thuốc hoặc sản phẩm xử lý môi trường trực tiếp tại ao nuôi, kênh cấp nước hoặc nguồn nước sinh hoạt. Bao bì sau sử dụng cũng không được tận dụng để chứa thức ăn, nước uống, thuốc hoặc các vật dụng khác trong gia đình.

Ghi chép nhật ký

Là yêu cầu rất quan trọng đối với cơ sở nuôi hướng tới sản xuất an toàn và truy xuất nguồn gốc. Nhật ký nên thể hiện rõ tên thuốc hoặc sản phẩm, nguồn gốc, ngày sử dụng, đối tượng thủy sản, liều lượng, tổng lượng sử dụng, thời gian điều trị, ngày cuối cùng sử dụng thuốc, thời gian ngừng sử dụng và ngày sớm nhất được phép thu hoạch.

Việc ghi chép không nên được thực hiện chỉ để hoàn thiện hồ sơ khi có kiểm tra. Nhật ký là công cụ giúp người nuôi nhìn lại toàn bộ quá trình sản xuất. Qua đó có thể biết ao nào thường xuyên phát sinh bệnh, thời điểm nào phải sử dụng thuốc, loại sản phẩm nào đã sử dụng và hiệu quả ra sao.

Nhật ký đầy đủ cũng giúp hạn chế việc sử dụng trùng hoạt chất hoặc lặp lại một loại thuốc trong thời gian ngắn. Khi có vấn đề về sức khỏe vật nuôi, người nuôi hoặc cán bộ kỹ thuật có thể dựa vào lịch sử điều trị để đưa ra quyết định phù hợp hơn thay vì xử lý theo cảm tính./.

VIỆN KHTSVN

Kỹ thuật nuôi cá bớp TRONG LỒNG HDPE

Ngoài ưu điểm tăng trọng nhanh, cá bớp còn có tính thích nghi cao, kháng bệnh tốt nên được nuôi khá phổ biến ở nhiều tỉnh ven biển nước ta. Trong đó, nổi bật là hình thức nuôi bằng lồng HDPE cho hiệu quả cao.

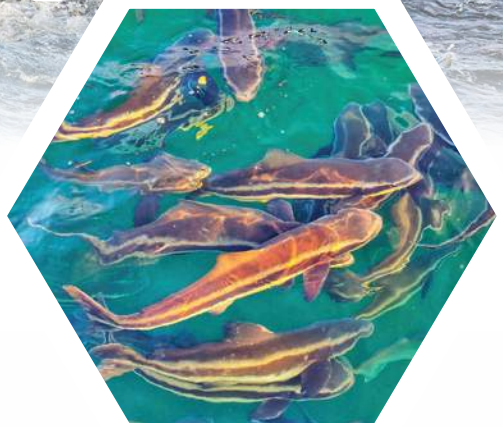

1. Vị trí

Lồng nuôi cần đặt ở vùng eo, vịnh hay mặt sau của đảo, tránh nơi sóng to, gió lớn có thể làm hư hỏng lồng, trôi thức ăn, làm cho cá khó bắt mồi dẫn đến hoạt động yếu gây chậm lớn và phát sinh bệnh.

Địa điểm đặt lồng cần có chất lượng nước tốt. Tốc độ dòng chảy thích hợp từ 0,2 - 0,6 m/s, hàm lượng ôxy từ 4 - 6 mg/lít, nhiệt độ 25 - 300C, pH từ 7,5 - 8,5, độ mặn từ 20 - 34‰, độ trong của nước từ 0,5 - 4 m.

Độ sâu từ đáy lồng nổi cách mặt đáy biển ít nhất 5 - 10 m khi thủy triều xuống thấp nhất.

Cần tránh đặt lồng nơi nước chảy quá yếu hay nước đứng dễ dẫn đến tình trạng cá thiếu ôxy yếu dần và chết.

Tránh xa những nơi bị ô nhiễm dầu, ô nhiễm chất thải độc hại, nước thải sinh hoạt và khu vực bến cảng nơi có nhiều tàu thuyền neo đậu.

2. Chuẩn bị lồng

Lồng có nhiều dạng (tròn hoặc vuông), có kích cỡ khác nhau, bằng nhựa HDPE thuần chủng. Cụ thể, như lồng tròn đường kính 10 m, sâu lưới 5 - 6 m, thể tích 500 m3; lồng tròn đường kính 12 m, sâu lưới 6 - 7 m, thể tích 800 m3; lồng tròn, đường kính 16 m, sâu lưới 7 - 8 m, thể tích 1.500 m3; lồng vuông kích thước 5×5 m, sâu lưới 5 m, thể tích 125 m3... Người nuôi cần căn cứ vào điều kiện cụ thể để lựa chọn loại lồng có kích thước phù hợp. Lưới lồng là lưới dệt không gút, bền, không bị ôxy hóa và có khả năng chống sinh vật bám, được gia cường bởi các dây giềng. Dây neo là loại dây Polypropylene (PP) bằng nhựa có đặc tính chịu được lực căng kéo chống lại tác hại của dầu mỡ chống bào mòn. Cỡ mắt lưới lồng dùng cho lồng nuôi cá thương phẩm tăng dần theo tăng trưởng của cá.

3. Chọn giống

Cá giống có màu nâu sáng, 2 dải trắng bạc dọc theo chiều dài thân phải rõ nét (cá trắng bệch hoặc đen sẫm toàn thân, 2 dải trắng bạc mờ đi không còn trông thấy thì cá đã yếu hoặc mắc bệnh). Cá giống thả nuôi cần có cỡ đồng đều, cá giống thả trong cùng một lồng hơn kém nhau không quá 3 cm chiều dài. Cá khỏe mạnh, bơi lội

linh hoạt, không dị hình, dị tật, không bị xây xát. Kích cỡ 10 - 12 cm đối với giống nhỏ, cá giống lớn ≥ 18 cm.

Cỡ giống cần lớn hơn kích thước khe lồng và lớn hơn kích thước mắt lưới, đảm bảo cá không lọt ra ngoài.

4. Vận chuyển và thả cá

Vận chuyển cá bằng túi khí có bơm nước và ôxy, với nhiệt độ trung bình là 20 - 22^{0}C.

Cân bằng nhiệt độ túi khí và nước biển bằng cách ngâm túi cá giống dưới nước biển trong khoảng 10 - 15 phút trước khi thả cá vào khu vực lồng nuôi. Sau đó mở miệng túi cho nước tràn vào từ từ, nghiêng túi cho cá bơi dần ra ngoài.

Trước khi thả cá cần tắm cá qua 5 - 10 phút kết hợp với sục khí để loại mầm bệnh ký sinh trên cá, hoặc tắm thuốc tím nồng độ 5 ppm trong thời gian 15 - 20 phút. Nên thả cá lúc sáng sớm hoặc chiều mát là tốt nhất.

5. Thức ăn

Cá tạp: Cá phải tươi, lựa bỏ tạp chất, loại bỏ ký sinh trùng bằng cách ngâm trong nước ngọt trước khi cho ăn để tránh gây bệnh cho cá nuôi. Thời kỳ đầu cá tạp được băm thành cỡ 1 - 3 cm tùy theo cỡ cá nuôi, khi cá trên 2 kg/con trở lên có thể cho ăn cá tạp cỡ 10 - 15 cm (để nguyên con).

Thức ăn tự chế: Có hàm lượng protein 42%. Dùng máy đùn viên dạng sợi ẩm, đường kính sợi khác nhau tùy theo kích cỡ cá nuôi. Cho ăn 1 lần/ngày vào buổi sáng. Cần rải mồi chậm để cá dễ dàng bắt mồi. Cho cá ăn từ từ đến khi cá ngừng ăn thì dừng lại tránh để thức ăn rơi xuống đáy lồng.

Thức ăn công nghiệp: Người nuôi cũng có thể sử dụng thức ăn công nghiệp dành cho cá bớp, cho cá ăn ngày 2 lần, sáng và chiều, lượng thức ăn khoảng 1,5 - 2% khối lượng cá/ngày.

6. Chăm sóc, quản lý

Sử dụng cá tạp tươi, thức ăn hỗn hợp có chất lượng tốt. Thức ăn công nghiệp phải nằm trong danh mục được phép lưu hành tại Việt Nam, có nhãn hàng hóa đầy đủ theo quy định về ghi nhãn hàng hóa và được bảo quản theo hướng dẫn ghi trên nhãn hàng hóa. Đặc biệt không sử dụng thức ăn đã hết hạn.

Trong quá trình nuôi cần giữ cho môi trường nước sạch sẽ, lồng lưới thông thoáng. Sau một thời gian nuôi khoảng 1 tháng, lưới lồng sẽ bị các sinh vật biển bám và phá như hàu, vẹm, thủy tức, rong biển... Vì vậy, nên thường xuyên cọ rửa lưới hoặc định kỳ 1 - 2 tháng thay lưới một lần.

Thường xuyên lặn theo dõi lồng nuôi đề phòng lồng bị hư hỏng. Định kỳ phân cỡ cá nuôi và điều chỉnh mật độ nuôi thích hợp, theo dõi phát hiện bệnh kịp thời để có biện pháp xử lý có hiệu quả.

Định kỳ đo các chỉ tiêu môi trường nước (hàm lượng ôxy hòa tan, pH, nhiệt độ, độ mặn) để có biện pháp xử lý kịp thời. Khi môi trường thay đổi xấu như nước phát sáng, nhiều cặn bã, sinh vật lạ xuất hiện hay cá xung quanh bị nhiễm bệnh tiến hành treo trong lồng túi thuốc tím để phòng bệnh cho cá.

Khi phát hiện cá bệnh, cần nuôi cách ly, xác định rõ bệnh và có biện pháp chữa trị phù hợp. Nếu cá chết phải vớt lên và xử lý tiệt trùng, không vứt ra vùng nuôi nhằm tránh lây lan bệnh.

7. Thu hoạch

Cá bớp có tốc độ sinh trưởng nhanh, có thể đạt cỡ 4 - 6 kg sau một năm nuôi. Cỡ cá thu hoạch tốt nhất từ 5 - 10 kg. Trong quá trình nuôi, khi cá đạt cỡ thương phẩm có thể thu tỉa để bán dần và nên thu hoạch và bán hết khi có đầu ra để quay vòng chu kỳ nuôi mới./.

Từ hạt ca cao Việt

Đến chocolate cao cấp thế giới

Từ những hạt ca cao trồng tại các tỉnh Lâm Đồng, Vĩnh Long, Đồng Nai... hai doanh nhân người Pháp đã tạo ra sản phẩm chocolate mang thương hiệu Marou. Đây được coi là một trong số ít những sản phẩm có xuất xứ Việt được xếp vào nhóm xa xỉ trên thế giới.

Câu chuyện về chocolate Marou giống như một hành trình đam mê, khi hai sáng lập viên của công ty này là những người ngoại đạo. Khi bắt đầu, Sam Maruta, 41 tuổi và Vincent Mourou, 43 tuổi lúc đó đang hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng và quảng cáo đã quyết định bỏ việc để thành lập nên Marou Faiseours de Chocolat được đặt tại ngoại ô thành phố Hồ Chí Minh.

Bốn năm sau, Marou đã gây bất ngờ cho toàn thế giới với thương hiệu chocolate cao cấp Marou, góp phần giúp Việt Nam có mặt trong bản đồ chocolate thế giới. Thành công này cũng mang tới doanh thu triệu đô cho hai nhà sáng lập, với mục tiêu cung cấp tới thị trường thế giới 100kg chocolate mỗi ngày.

Chocolate Marou nổi tiếng thế giới không chỉ bởi vị thơm ngon đặc biệt, mà còn bởi quá trình sản xuất hoàn toàn được thực hiện thủ công. Sau khi thu hoạch ca cao, nhân công sẽ tách quả để lấy nhân phía trong. Sau đó hạt ca cao tươi sẽ qua công đoạn ủ, sấy... theo phương pháp thủ công của người Pháp.

Giá của mỗi thanh chocolate này cao gấp 8 lần loại thường, và đã có mặt tại 20 quốc gia trên thế giới./.

Vươn khơi
CÙNG LỒNG HDPE

Arabica Sơn La
Hương vị núi rừng Tây Bắc

www.khuyennongvn.gov.vn

Quét để tải tài liệu